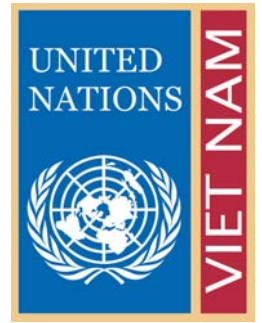




TIẾNG NÓI CỦA CHÚNG TÔI, TƯƠNG LAI CỦA CHÚNG TÔI

Báo cáo Tổng hợp Quá trình Tham vấn tại
Việt Nam về Chương trình phát triển sau năm 2015



Lời mở đầu

Tiến trình thực hiện tám Mục tiêu Phát triển Thiên Niên Kỷ (TNK) đang tiến tới những ngày cuối cùng. Việt Nam là một trong 83 quốc gia trên toàn cầu đã tích cực tham gia vào quá trình tham luận nhằm hình thành “một thế giới mà tất cả chúng ta đều mong muốn” và xây dựng tiến trình phát triển mới cho giai đoạn sau năm 2015.

Từ tháng 12 năm 2012, Liên Hợp Quốc (LHQ) tại Việt Nam đã tham vấn hơn 1.300 công dân Việt Nam bao gồm cả nam giới, phụ nữ, thanh niên và trẻ em – trong đó có đại diện của các nhóm yếu thế - về mối quan tâm cũng như hy vọng và nguyện vọng của họ cho tương lai. Những thông tin ghi nhận được trong quá trình tham vấn đã được tổng hợp và chia sẻ tại hội thảo quốc gia tổ chức vào tháng 3 năm 2013 tại Hà Nội và đóng góp vào quá trình tranh luận toàn cầu.

Quá trình Tham vấn về Tương lai sau 2015 tại Việt Nam là một bằng chứng tuyệt vời của sự hợp tác giữa các cơ quan LHQ trong nỗ lực “thống nhất hành động”. Tất cả các cơ quan LHQ ở Việt Nam với chuyên môn và kỹ năng đặc thù đã cộng tác với các cơ quan bộ, ngành tương ứng và các đối tác tổ chức tham vấn với tám nhóm mục tiêu, và mỗi nhóm đã chia sẻ các quan điểm của mình về phát triển.

Trong tiến trình tham vấn toàn cầu, Tổng thư ký LHQ đã thành lập một Hội đồng Cấp cao gồm các nguyên thủ về tiến trình phát triển sau năm 2015 dưới sự chủ trì của Tổng thống Indonesia, Tổng thống Liberia và Thủ tướng Chính phủ Vương quốc Anh. Hội đồng sẽ cho ý kiến về những nội dung cần bao hàm trong báo cáo của Tổng thư ký về tương lai sau 2015 để thảo luận ở Đại hội đồng Liên Hợp Quốc vào tháng 9 năm 2013. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động tham vấn theo chuyên đề bao gồm các chuyên đề về bền vững môi trường; quản trị; tăng trưởng và việc làm; biến động dân số; sức khỏe; bất bình đẳng cũng đang được tổ chức trên toàn cầu.

Trong nỗ lực đẩy mạnh tiến trình thực hiện các Mục tiêu TNK, chúng tôi tin rằng Việt Nam có đóng góp quan trọng cho các cuộc thảo luận về tiến trình sau năm 2015. Tuy nhiên, mong ước giản dị của công dân Việt Nam về bình đẳng, toàn diện, sự tham gia và quản trị tốt hơn cũng không quá khác biệt so với mong ước chung của công dân toàn cầu.

Vì tham luận trên toàn cầu vẫn đang tiếp diễn, chúng tôi sẽ tiếp tục hợp tác với các đối tác ở Việt Nam để đảm bảo rằng tiến trình này sẽ không dừng lại tại đây và khuôn khổ phát triển sau năm 2015 sẽ tiếp tục phù hợp với Việt Nam.

Thời hạn hoàn thành mục tiêu phát triển TNK trong không đầy 1.000 ngày tới đặt cho chúng ta một cơ hội đặc biệt quý giá để đẩy nhanh tiến trình này đảm bảo rằng tất cả mọi người, ở Việt Nam hay bất cứ đâu, có thể thụ hưởng một cuộc sống thịnh vượng, công bằng và nhân văn.



Pratibha Mehta

Điều phối viên Thường trú Liên Hợp Quốc tại Việt Nam



Mục lục

Lời mở đầu.....	2
Tóm tắt Báo cáo.....	4
<i>Việt Nam trong tiến trình thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ.....</i>	5
<i>Tiếng nói từ quá trình tham vấn: Thách thức và khát vọng của các nhóm mục tiêu</i>	5
<i>Thông điệp chính về tương lai sau 2015 ở Việt Nam</i>	8
1. Giới thiệu: Tiến trình phát triển sau năm 2015	11
2. Kinh nghiệm của Việt Nam trong quá trình thực hiện mục tiêu TNK và bài học cho Khuôn khổ mục tiêu sau 2015	13
2.1 Tiến trình thực hiện mục tiêu TNK của Việt Nam.....	13
2.2 Hạn chế của mục tiêu TNK trong việc phản ánh sự phát triển con người ở Việt Nam	13
2.3 Tương lai của mục tiêu TNK.....	14
2.4 Những vấn đề phát triển chủ chốt đối với tương lai của Việt Nam	15
3. Quá trình tham vấn	18
4. Kết quả tham vấn: Thách thức và khát vọng riêng của nhóm mục tiêu	20
4.1 Thách thức và khát vọng đặc thù của từng nhóm mục tiêu	20
4.2 Thách thức và khát vọng chung của các nhóm mục tiêu	33
5. Thông điệp chính cho tương lai sau năm 2015 ở Việt Nam	38
5.1 Bình đẳng, bao gồm bình đẳng giới	38
5.2 Tính dễ bị tổn thương và hòa nhập xã hội	39
5.3 Quản trị và sự tham gia	40
5.4 Thay đổi nhân khẩu học của Việt Nam.....	41
5.5 Đảm bảo sự tiếp cận tổng thể dịch vụ y tế chất lượng tốt.....	43
5.6 Việc làm có chất lượng và mô hình tăng trưởng mới	44
5.7 Giáo dục và đào tạo nghề.....	45
5.8 Môi trường trong sạch hơn.....	45
Phụ lục 1: Danh sách những câu hỏi thông thường được sử dụng trong các cuộc tham vấn.....	47
Phụ lục 2: Tài liệu tham khảo	49



Tóm tắt Báo cáo

Báo cáo là đóng góp của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam cho quá trình tham vấn toàn cầu về Chương trình Phát triển sau năm 2015. Đây là kết quả của quá trình tham vấn các đại diện của tám nhóm mục tiêu trên toàn lãnh thổ Việt Nam được thực hiện từ tháng 11 năm 2012 đến tháng 3 năm 2013. Hơn 1.320 người gồm nam giới, phụ nữ, thanh niên và trẻ em đã được hỏi ý kiến về tương lai họ mong muốn sau năm 2015 khi kết thúc thời hạn thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (TNK).

Tám nhóm được lựa chọn dựa trên cơ sở họ là những nhóm yếu thế và ít khi được tham gia các sự kiện tham vấn cấp chính thức. Họ là đại diện của nhóm dân tộc ít người, người cao tuổi, người có HIV/AIDS, người khuyết tật, khu vực kinh tế tư nhân, người nghèo ở nông thôn, người nghèo ở đô thị và thanh thiếu niên.

Trong suốt quá trình tham vấn, phụ nữ và nam giới được đảm bảo có cơ hội như nhau khi chia sẻ những thách thức cũng như khát vọng của bản thân. Hơn một nửa số người tham dự là nữ. Các sự kiện tham vấn được tổ chức trên 13 tỉnh bao gồm các thành phố lớn và vùng nông thôn, và đặc biệt là vùng sâu vùng xa trên toàn lãnh thổ Việt Nam.



Hơn 1.300 người bao gồm nam, nữ và trẻ em tham gia tham vấn về tương lai mọi người mong muốn.
© UN Việt Nam\2013\Trương Việt Hùng

Tiến trình tham vấn được thực hiện nhằm bảo đảm tinh thần Thống nhất hành động (DaO). Điều phối viên thường trú của LHQ chỉ đạo và một nhóm công tác bao gồm các cán bộ cấp cao của các cơ quan LHQ trực tiếp tổ chức thực hiện tham vấn. Mỗi cơ quan LHQ chịu trách nhiệm chủ trì, kết hợp với các cơ quan LHQ liên quan thực hiện tham vấn với một nhóm mục tiêu. Các cơ quan LHQ này đã cộng tác chặt chẽ với cơ quan chính phủ Việt Nam, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, và chính trị để huy động người tham dự và điều phối quá trình tham vấn.



Việt Nam trong tiến trình thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ

Cho đến nay, Việt Nam đã có bước tiến lớn trong việc đạt được các mục tiêu TNK. Đặc biệt đối với mục tiêu TNK 1 về giảm nghèo, cũng như mục tiêu TNK 2, 3, 4 và 5 về giáo dục, bình đẳng giới, tỷ lệ tử vong ở trẻ em, sức khỏe sinh sản. Còn nhiều việc cần phải làm trong lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS và đảm bảo môi trường bền vững. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện mục tiêu không đồng đều trên cả nước. Ở vùng sâu và miền núi, tình hình thực hiện kém hơn các vùng khác. Có sự chênh lệch rõ nét giữa các nhóm dân cư. Ở nhóm các dân tộc ít người, kết quả thực hiện các mục tiêu TNK đặc biệt còn tụt hậu nhiều so với các nhóm dân tộc khác.

Thách thức cho thời kỳ sau năm 2015 là làm thế nào để tiếp tục giải quyết các vấn đề mục tiêu TNK chưa đạt được, đồng thời đối phó với các vấn đề phát triển mới phát sinh nhằm đảm bảo các khía cạnh phát triển con người được phản ánh đúng thực chất. Nhiều vấn đề quan trọng chưa được phản ánh đúng bằng các chỉ tiêu định lượng và chỉ tiêu tổng thể của mục tiêu TNK. Mục tiêu bình đẳng giới là một ví dụ, dù bạo lực gia đình và bạo lực tình dục vẫn là mối quan tâm lớn trên cả nước, nhưng lại không được phản ánh trong các mục tiêu TNK. Sự chênh lệch giữa các vùng miền về mặt y tế cũng không được phản ánh trong số liệu thống kê ở cấp quốc gia. Một lĩnh vực quan trọng khác ở Việt Nam khó có thể lượng hóa là chất lượng quản trị. Vì Việt Nam đã trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình nên những thành tố của sự phát triển hiện đang còn tranh luận và khó có thể định lượng được. Do vậy, các mục tiêu phát triển mới sau năm 2015 cần phản ánh tốt hơn những thực tế phức tạp này.

Tiếng nói từ quá trình tham vấn: Thách thức và khát vọng của các nhóm mục tiêu

Mỗi nhóm đều có những khát vọng riêng và phải đối diện với những thách thức đặc thù. Rất nhiều vấn đề đã được đề cập và các hoạt động tham vấn đã đem đến một cái nhìn sâu hơn về nguyện vọng cho tương lai của rất nhiều người mà bình thường tiếng nói của họ còn ít khi được chú ý đến.

- **Dân tộc ít người:** Hạn chế trong tiếp cận dịch vụ công là vấn đề đặc biệt được quan tâm. Cộng đồng dân tộc ít người thường sống ở những khu vực xa xôi với cơ sở vật chất và chất lượng đất nghèo nàn nên họ có ít phương thức sinh kế thay thế. Nhiều phụ nữ cho biết khối lượng công việc trong gia đình và tại cộng đồng quá tải đè nặng lên vai, khiến họ khó có thể tham gia vào các hoạt động tập huấn về nông nghiệp và các buổi họp cộng đồng.
- **Người cao tuổi:** Người cao tuổi mong muốn có một hệ thống an sinh xã hội mà họ được tham gia đầy đủ và được hưởng lợi từ đó. Có nghĩa là họ có thể được hưởng lương hưu của Nhà nước một cách đầy đủ, và được chăm sóc sức khỏe chất lượng cao với chi phí hợp lý. Đây chính là hai vấn đề người cao tuổi đặc biệt quan tâm. Họ lo lắng về trách nhiệm ngày càng tăng của người cao tuổi trong việc chăm sóc con trẻ trong gia đình. Họ mong vẫn được sống có ích cho xã hội, được sống gắn kết với gia đình, tuy nhiên vẫn có khả năng sống độc lập.
- **Người có HIV/AIDS:** Mối quan tâm chính của người có HIV/AIDS là bị phân biệt đối xử và xa lánh trong gia đình, tại các đơn vị cung cấp dịch vụ, ví dụ như các nhân viên y tế, và trong xã hội nói chung. Nam giới và phụ nữ trong nhóm này, bao gồm cả những người sử dụng ma túy cho biết họ thường gặp khó khăn khi tiếp cận các dịch vụ công và khó có cơ hội học nghề. Việc bị phân biệt đối xử này khiến họ trở nên tự ti. Đây cũng là chủ đề



chung trong các buổi tham vấn. Phụ nữ có HIV cho biết họ thường phải chịu áp lực rằng không thể có gia đình và không được cung cấp những thông tin và cách hướng dẫn sinh con không có HIV.

- **Người khuyết tật:** Quan tâm về vấn đề phân biệt đối xử và mong muốn được đối xử công bằng và được tôn trọng. Họ gặp trở ngại khi tiếp cận phúc lợi xã hội và cho biết hệ thống giao thông công cộng không thuận lợi khiến họ phải phụ thuộc vào gia đình. Phụ nữ khuyết tật cho biết họ thường bị nhìn nhận là không có khả năng lập gia đình. Trẻ em khuyết tật khát khao được đi học với trẻ em không khuyết tật khác.



Người khuyết tật thể hiện mong muốn được đối xử bình đẳng và được tôn trọng.
© UN Việt Nam\2013\Nguyễn Thị Thanh Hương

- **Khu vực tư nhân:** Nhấn mạnh sự cần thiết phải hội nhập sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu và cải thiện năng lực của khu vực tư nhân để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Môi trường kinh doanh không minh bạch là thách thức chính cản trở khối doanh nghiệp và do đó khu vực tư nhân kêu gọi sự bình đẳng và minh bạch trong cách thức làm việc với họ. Hoạt động đào tạo nghề cần được chú trọng. Khối tư nhân cũng mong muốn có được chương trình đào tạo nghề tốt hơn và đóng góp vai trò lớn hơn trong quá trình hoạch định chính sách.
- **Người nghèo nông thôn:** Đối với nhóm này, nguyên nhân chính lý giải tại sao họ không thể cải thiện điều kiện sống là do sự thiếu hụt việc làm phi nông nghiệp, khiến họ không có nhiều sự lựa chọn nghề nghiệp và phải di cư đến các vùng đô thị tìm việc. Họ mong muốn một hệ thống quy hoạch đất công bằng và cách thức xác định chế độ đền bù minh bạch hơn. Người nghèo nông thôn mong muốn cơ sở vật chất ở nơi họ sống được cải thiện bao gồm đường, điện, trường học và nước sạch. Họ cũng lo lắng về việc thiếu các dịch vụ khám sức khỏe và chăm sóc y tế cấp cơ sở tốt.
- **Người nghèo thành thị:** Không tiếp cận được tới các dịch vụ giáo dục là nguyên nhân chính cho nhiều vấn đề của nhóm. Họ thường không thể tiếp cận dịch vụ xã hội do tình trạng cư trú không chính thức. Nhiều người phải làm những công việc bấp bênh, lương thấp và không có mạng lưới an toàn xã hội nào bảo vệ. Chất lượng nhà ở nghèo nàn và tạm bợ khiến họ không thể lên kế hoạch cho cuộc sống lâu dài. Vấn đề bạo lực gia đình, quấy rối tình dục và bất bình đẳng trong việc chia sẻ trách nhiệm gia đình giữa hai giới cũng là một vấn đề nổi bật.



Người nghèo thành thị và thanh niên mong muốn có một nền giáo dục chất lượng tốt. © UN Việt Nam\2013

- **Thanh thiếu niên:** Quan tâm đặc biệt về sự cần thiết phải có một nền giáo dục tốt để giúp họ có thể tìm được việc làm ổn định và thu nhập tốt. Họ lo lắng về sự bất bình đẳng trong tiếp cận hệ thống chăm sóc sức khỏe trên cả nước và mong muốn được cung cấp thêm thông tin về sức khỏe sinh sản và tình dục. Nam và nữ thanh thiếu niên cho biết họ cần được bảo vệ trước vấn nạn bạo lực học đường, quấy rối tình dục, bạo lực gia đình và ma túy. Họ mong muốn được tham gia hoạch định chính sách, giải quyết các vấn đề chung như biến đổi khí hậu và ô nhiễm, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của bình đẳng giới và bình đẳng xã hội.

Bên cạnh những thách thức và khát vọng riêng, tất cả các nhóm đều có chung mong muốn về:

- Một xã hội công bằng về mặt xã hội và kinh tế trong đó đảm bảo bình đẳng giới;
- Việc làm ổn định với điều kiện làm việc và thu nhập tốt;
- Nền giáo dục có chất lượng và hệ thống đào tạo nghề phù hợp để đảm bảo thanh niên có việc làm và được trang bị tốt hơn cho cuộc sống;
- Hệ thống chăm sóc sức khỏe bao gồm cả sức khỏe sinh sản và tình dục, toàn diện, chất lượng cao với chi phí hợp lý, đáp ứng được nhu cầu của tất cả mọi người không phân biệt tầng lớp xã hội và nơi cư trú;
- Hệ thống an sinh xã hội toàn diện đáp ứng nhu cầu người dân, đặc biệt là người thất nghiệp, người thai sản và người cao tuổi;
- Dịch vụ công đáp ứng nhu cầu của người dân cũng như văn hóa dịch vụ công được cải thiện nhằm đảm bảo mọi người đều được đối xử công bằng và được tôn trọng;
- Giải quyết hiệu quả vấn đề tham nhũng nhằm nâng cao sự công bằng trong tiếp cận dịch vụ công cho tất cả mọi người;
- Khát vọng được lắng nghe và có nhiều cơ hội đóng góp ý kiến trong quá trình hoạch định chính sách, đặc biệt là những quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân;

- Kỳ thị và phân biệt đối xử tại nơi công cộng và trong gia đình được loại bỏ, mong muốn bản thân và giá trị cá nhân được tôn trọng và được nhìn nhận là người có ích cho xã hội;
- Một môi trường trong sạch, trong đó tác hại của biến đổi khí hậu, ô nhiễm và phá hoại môi trường được giải quyết triệt để.

Thông điệp chính về tương lai sau 2015 ở Việt Nam

Thông điệp chính từ quá trình tham vấn được trình bày tại chương cuối của báo cáo. Đây là kết quả của quá trình tham vấn với các nhóm mục tiêu và rà soát toàn diện các tài liệu phân tích và nghiên cứu liên quan về những thách thức phát triển hiện tại và trong tương lai của Việt Nam. Theo LHQ Việt Nam, có tám vấn đề cơ bản Việt Nam cần giải quyết cho tương lai sau năm 2015. Đây là những vấn đề của riêng Việt Nam và cũng là những vấn đề mà bất cứ chương trình phát triển mới nào trên toàn cầu cũng cần cân nhắc.

1. **Bình đẳng, bao gồm bình đẳng giới:** Khát khao sự bình đẳng là vấn đề xuyên suốt trong quá trình tham vấn. Bất bình đẳng thể hiện qua nhiều khía cạnh, bất bình đẳng giữa các vùng miền, bất bình đẳng giữa nông thôn và thành thị, giữa các nhóm, đặc biệt là giữa nhóm dân tộc ít người và dân tộc Kinh và bất bình đẳng bắt nguồn từ sự phân biệt đối xử với các nhóm đặc biệt như nhóm người có HIV, người khuyết tật và dân nhập cư thành thị. Bất bình đẳng giới cũng là một nội dung xuyên suốt. Nhiều phụ nữ trong quá trình tham vấn đã nói về việc họ thiếu cơ hội, không có quyền và trách nhiệm gia đình công bằng so với nam giới. Để đảm bảo quyền bình đẳng của phụ nữ, phải loại bỏ bất bình đẳng và phân biệt về giới, và thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ. Bình đẳng giới trong giáo dục và việc làm có ý nghĩa quan trọng cho sự phát triển kinh tế và phát triển con người. Do vậy cần có sự thay đổi về mặt thể chế và đầu tư cụ thể để giải quyết mọi mặt của bất bình đẳng.



Giải quyết bất bình đẳng về giới là một trong những chủ đề chính được nhiều nhóm đề cập. © UN Việt Nam\2013\ Aiden Dockery

2. **Tính dễ bị tổn thương và hòa nhập xã hội:** Tính dễ bị tổn thương của các nhóm yếu thế trước các cú sốc và rủi ro tại Việt Nam đang gia tăng. Một số người được tham vấn cho rằng việc này có liên quan đến quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế thị trường mà trong đó những người dễ bị tổn thương bị tụt lại phía sau. Họ cũng cho rằng tình trạng dễ bị tổn thương và tụt hậu cũng liên quan tới tiến trình phát triển kinh tế và sự bất ổn định đang gia tăng của thị trường lao động và tình trạng dễ tổn thương của dân di cư từ nông thôn ra thành thị. Người dân ở nông thôn cũng có nguy cơ bị thiên tai nhiều hơn. Sự gia tăng tính



để bị tổn thương này nhấn mạnh sự cần thiết phải có một hệ thống an sinh xã hội toàn diện trong tương lai, đặc biệt cho người nghèo và những nhóm yếu thế trong xã hội.

3. **Quản trị và sự tham gia:** Cải thiện vấn đề quản trị, đối phó với tham nhũng, tăng cường sự tham gia của người dân là các nội dung chính được đề cập trong quá trình tham vấn. Cần thiết phải phát triển mô hình tổ chức hiện đại với bộ máy công chức có đủ trình độ kỹ thuật và có khả năng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Tham nhũng cần phải được giải quyết. Tham nhũng là rào cản cơ bản đối với phát triển kinh tế và đời sống sinh kế của người dân do hàng ngày người dân phải bỏ tiền túi để chi trả cho những dịch vụ lẽ ra họ đương nhiên được hưởng. Củng cố sự tham gia của người dân sẽ giải quyết cơ bản những thách thức về việc bị gạt ra lề xã hội mà nhiều nhóm đang phải đối diện, để đảm bảo trong tương lai Việt Nam sẽ trở thành một xã hội gắn kết hơn và của tất cả mọi người.
4. **Chuyển dịch cơ cấu dân số:** Sự chuyển dịch cơ cấu dân số của Việt Nam đang diễn ra nhanh chóng, với nhiều lợi ích của thời kỳ “dân số vàng” do số lượng người trong độ tuổi lao động cao nhưng đồng thời dân số Việt Nam cũng đang “già hóa” nhanh chóng với số lượng người cao tuổi ngày càng tăng nhanh. Do đó thách thức lớn phía trước đối với Việt Nam là phải vừa tạo ra việc làm chất lượng và có ý nghĩa cho thanh niên, đồng thời phải cung cấp tốt hơn các dịch vụ xã hội và đảm bảo chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi. Một thách thức khác chính là quá trình di cư từ nông thôn lên thành thị và quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng. Các thành phố cần có kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển dịch vụ xã hội kịp thời do một số lượng lớn dân nhập cư cần có chỗ ở và điều kiện làm việc an toàn, cần được tiếp cận các dịch vụ giáo dục và chăm sóc sức khỏe.
5. **Tiếp cận phổ cập hệ thống chăm sóc sức khỏe chất lượng cao với chi phí hợp lý:** Có một lực lượng lao động khỏe mạnh, được đào tạo tốt là yếu tố then chốt cho viễn cảnh phát triển của Việt Nam trong tương lai và là nội dung được nhấn mạnh trong suốt quá trình tham vấn. Tuy vậy, hiện tại hệ thống y tế ở Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được mức mong đợi của người dân. Hệ thống y tế tương đối công bằng giai đoạn kế hoạch hóa tập trung đã bị thay thế bởi hệ thống mà chất lượng dịch vụ phụ thuộc vào mức phí chi trả của người tiêu dùng. Vì vậy, hình thành khoảng cách bất bình đẳng lớn trong dịch vụ y tế giữa các nhóm dân cư và giữa các vùng miền. Hệ thống phân tầng đang trở nên rõ rệt, một bộ phận dân cư có thể lựa chọn dịch vụ y tế ngoài công lập theo ý muốn, trong khi đó một bộ phận dân nghèo bị tụt lại phía sau và phải chấp nhận sử dụng dịch vụ không đạt chuẩn. Dịch vụ y tế phổ cập, bao gồm dịch vụ sức khỏe sinh sản và tình dục có chất lượng với chi phí hợp lý là mong muốn cơ bản cho tương lai.



Mang đến cơ hội tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế đạt tiêu chuẩn với chi phí hợp lý đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển trong tương lai của Việt Nam. © UN Việt Nam\2013\Aiden Dockery

- 6. Việc làm tốt và một mô hình phát triển mới:** Tất cả các nhóm đều mong muốn có công việc thu nhập tốt và ổn định. Việc làm tốt đóng vai trò then chốt đối với sự an toàn trong tương lai: đó là tính dài hạn, lương cao, và được hưởng các phúc lợi xã hội như quỹ hưu trí và sự an toàn tại nơi làm việc. Đảm bảo việc làm tốt trong tương lai có mối liên hệ mật thiết với nhu cầu phát triển một mô hình tăng trưởng mới cho Việt Nam, mô hình thúc đẩy nền công nghiệp sáng tạo với giá trị gia tăng cao hơn, và từ đó cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho người lao động. Sự chuyển dịch ra khỏi một nền sản xuất kỹ thuật lạc hậu, ít giá trị gia tăng và kỹ năng thấp như Việt Nam đang vận hành là thách thức quyết định đối với tương lai của Việt Nam.
- 7. Giáo dục và đào tạo nghề:** Đầu tư phát triển nhân lực dựa trên nền tảng đào tạo và dạy nghề là nhân tố then chốt để chuyển dịch mô hình phát triển của Việt Nam. Một đất nước có thu nhập trung bình muốn vươn đến một mức thu nhập cao hơn cần phải đầu tư vào nguồn lực con người, đảm bảo tỷ lệ dân số biết chữ cao, có chuyên môn phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và ngành. Các trường đại học quốc gia cần trang bị cho những sinh viên xuất sắc trở thành các nhà lãnh đạo và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ cao. Và một vấn đề quan trọng là phải đảm bảo mọi người đều có cơ hội được tiếp cận một nền giáo dục tốt dù họ sinh sống ở đâu. Nhiều người được tham vấn cho biết giáo dục là yếu tố then chốt cho một tương lai tươi sáng.
- 8. Môi trường trong sạch hơn:** Hiện tại mô hình phát triển của Việt Nam chủ yếu dựa vào nền công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm cao và khai thác tài nguyên thiên nhiên. Một mô hình tăng trưởng chú trọng đến sự bền vững của môi trường hơn, dựa nhiều hơn trên nền tảng tri thức toàn diện và sử dụng công nghệ đảm bảo tính bền vững cho môi trường là cần thiết. Khi Việt Nam phát triển và trở nên giàu hơn, cách thức tiêu thụ cũng sẽ thay đổi và xã hội cần phải nhận biết rõ ràng hơn về sự cần thiết của một môi trường bền vững và sự công bằng giữa các thế hệ. Việt Nam đang đối diện với thách thức biến đổi khí hậu do mực nước biển dâng cao, và các hiểm họa khác như hiện tượng hoang mạc hóa, hạn hán và ngập lụt do sự gia tăng tính không ổn định của khí hậu. Do vậy, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro do thiên tai và phát triển hệ thống an sinh xã hội cần được chú trọng hơn trong tương lai.



1. Giới thiệu: Tiến trình phát triển sau năm 2015

Năm 2010, Đại Hội đồng LHQ đã tiến hành tổng kết tiến độ thực hiện mục tiêu TNK, bao gồm các chỉ tiêu phát triển toàn cầu phần đầu đạt được vào năm 2015. Đại hội đồng đã đề nghị Tổng Thư ký LHQ xây dựng các khuyến nghị về việc thúc đẩy chương trình phát triển toàn cầu sau năm 2015. Kể từ đó, với sự tham vấn với các bên liên quan, một Ban Công tác cấp cao của LHQ đã tiến hành những bước chuẩn bị và điều phối quá trình xác định Chương trình Phát triển sau năm 2015.

Trong một báo cáo vào tháng 6 năm 2012 được đệ trình cho Tổng thư ký, có tựa đề “Hiện thực hóa tương lai chúng ta muốn cho tất cả mọi người” Ban Công tác LHQ đánh giá rằng những nỗ lực cải thiện đời sống vật chất đang bị đe dọa vượt quá khả năng mà nguồn tài nguyên của hành tinh có thể hỗ trợ chúng ta. Cần có một thay đổi căn bản về cách thức sản xuất và cách thức tiêu thụ. Báo cáo cho thấy bất bình đẳng và việc tranh giành nguồn tài nguyên ngày càng khan hiếm là những nguyên nhân chính của tình trạng xung đột, bạo lực và đói nghèo. Những yếu tố này lại chính là yếu tố kìm hãm sự phát triển của nhân loại và cản trở các nỗ lực nhằm đạt được sự phát triển bền vững. Ban Công tác cho rằng:

“Thực hiện như cách vẫn làm không thể được coi là một sự lựa chọn và cần có sự thay đổi căn bản. Do các thách thức có tính phụ thuộc lẫn nhau cao nên cần có một cách tiếp cận mới, tổng thể hơn nhằm giải quyết những thách thức đó.”

Lời khẳng định này đưa ra một định hướng rõ ràng cho tiến trình phát triển sau năm 2015 trên toàn cầu và đưa ra một khuôn khổ để Việt Nam có thể suy nghĩ và lập kế hoạch cho tương lai sau năm 2015. Ban Công tác đã đặt một yêu cầu đối với tất cả chúng ta về ‘các thay đổi mang tính cải tổ nhằm hướng tới sự phát triển bền vững, lấy con người làm trọng tâm và dành cho tất cả mọi người’. Viễn cảnh cho tương lai phải dựa trên các nguyên tắc cơ bản về quyền con người, sự bình đẳng và bền vững như các giá trị được chia sẻ trên toàn thế giới và đã được phản ánh trong Hiến pháp của Việt Nam và trong các Hiệp ước LHQ mà Việt Nam tham gia ký kết.



Hội thảo Tham vấn quốc gia về Chương trình phát triển sau năm 2015 vào ngày 20 tháng 3 năm 2013 tại Hà Nội.
© UN Việt Nam\2013\Trương Việt Hùng



Khi đưa ra định hướng cho tiến trình phát triển sau năm 2015, Ban Công tác LHQ tái khẳng định cam kết của LHQ trong nguyên tắc về việc đưa ra một bộ các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể vốn được nhìn nhận là thế mạnh của mục tiêu TNK. Mặc dù vậy, Ban Công tác cũng nhấn mạnh rằng các mục tiêu của giai đoạn sau năm 2015 cũng cần được xây dựng theo các nguyên tắc có sự tham gia của mọi đối tượng. Do vậy, Việt Nam được chọn là một trong hơn tám mươi quốc gia thực hiện tham vấn cấp quốc gia, nhằm cung cấp thông tin xây dựng chương trình và mục tiêu phát triển toàn cầu sau năm 2015. Đây là một cơ hội hiếm có cho các bên liên quan ở Việt Nam tạo ảnh hưởng tới những tranh luận và thảo luận toàn cầu. Đây cũng là cơ hội cho LHQ tại Việt Nam tiến hành quá trình thảo luận dành cho mọi người trên diện rộng về viễn cảnh đối với một tương lai mà người dân Việt Nam mong muốn. Đồng thời, Việt Nam cũng là một phần của cuộc khảo sát toàn cầu mang tên “Thế giới Của Tôi”, nhằm phản ánh quan điểm, ưu tiên và tiếng nói của công dân toàn cầu về một tương lai sau năm 2015.

Báo cáo này là kết quả của quá trình tham vấn tại Việt Nam. Báo cáo trình bày kết quả của quá trình tham vấn với các bên liên quan diễn ra từ tháng 11 năm 2012 đến tháng 3 năm 2013. Chi tiết về quá trình tham vấn được mô tả trong Chương 3. Trong Chương 2, báo cáo tóm tắt những thành tựu Việt Nam đã đạt được Mục tiêu TNK, rà soát những mục tiêu đã đạt được, những công việc cần tiếp tục thực hiện và tổng hợp những kinh nghiệm hữu ích của Việt Nam trong quá trình thực hiện mục tiêu TNK cho khuôn khổ mục tiêu toàn cầu trong tương lai. Chương này cũng bao gồm tóm tắt những thách thức cơ bản đối với sự phát triển của Việt Nam dựa trên một báo cáo được thực hiện trước quá trình tham vấn của LHQ Việt Nam. Chương 4 trình bày những phát hiện từ quá trình tham vấn. Trong đó, phần đầu thảo luận về thách thức và khát vọng của từng nhóm đối tượng, phần thứ hai thảo luận về những vấn đề chung của các nhóm. Cuối cùng, Chương 5 trình bày những thông điệp chính thu nhận được từ quá trình tham vấn về tương lai sau năm 2015 ở Việt Nam. Theo LHQ tại Việt Nam, đây là những vấn đề Việt Nam cần giải quyết sau năm 2015, đồng thời cũng là những vấn đề mà bất cứ chương trình phát triển toàn cầu mới nào cũng cần phải chú ý nếu muốn phù hợp với Việt Nam.



2. Kinh nghiệm của Việt Nam trong quá trình thực hiện mục tiêu TNK và bài học cho Khuôn khổ mục tiêu sau 2015

2.1 Tiến trình thực hiện mục tiêu TNK của Việt Nam

Việt Nam đã có bước tiến lớn trong việc đạt được các mục tiêu TNK. Đối với mục tiêu TNK 1 về giảm nghèo, tỷ lệ nghèo đói đã giảm từ 58,1% năm 1993, xuống còn 14,5% năm 2008, giảm được 75%. Tỷ lệ nghèo về lương thực giảm hơn hai phần ba, từ 24,9% năm 199, xuống còn 6,9% năm 2008. Những lĩnh vực khác có bước tiến lớn trong việc thực hiện mục tiêu TNK bao gồm giáo dục, bình đẳng giới, tỷ lệ tử vong ở trẻ em (mục tiêu giảm tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi và tử vong trẻ sơ sinh đều đã đạt được), và kiểm soát bệnh sốt rét. Dù sức khỏe bà mẹ đã được cải thiện đáng kể với tỷ lệ tử vong mẹ giảm mạnh từ 233 ca tử vong/100.000 trẻ đẻ sống năm 1990, xuống còn 69 ca tử vong/100.000 trẻ đẻ sống năm 2009, vẫn cần phải tiếp tục nỗ lực hơn nữa để đạt được chỉ tiêu của mục tiêu TNK 5 - giảm tỷ lệ tử vong mẹ còn 58,3 ca tử vong/100.000 trẻ đẻ sống. Vẫn cần nỗ lực hơn nữa trong lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS và đảm bảo môi trường bền vững.

Hơn nữa, tuy mức độ chung về đói nghèo đã giảm một cách đáng kể và có những cải thiện trong lĩnh vực sức khỏe và giáo dục, tốc độ giảm nghèo lại không đồng đều giữa các vùng và nhóm dân cư. Nhóm dân tộc thiểu số cùng với nhóm người dân không có đất và người nhập cư nghèo ở đô thị đạt được kết quả thấp hơn. Vẫn còn sự bất bình đẳng ở những nhóm và trong đại bộ phận dân cư. Hơn nữa, cũng có khoảng cách lớn giữa người dân đô thị và người dân nông thôn và giữa các vùng của đất nước. Trong đó miền núi phía Bắc, miền Trung và vùng duyên hải đạt được mức độ thành công thấp hơn so với vùng khác.



Mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong tiến trình thực hiện các Mục tiêu TNK, nhưng Việt Nam vẫn phải đối mặt với các khoảng cách phát triển ngày càng lớn giữa các vùng nông thôn và thành thị, và giữa các vùng miền.

© UN Việt Nam\2013\Aiden Dockery

2.2 Hạn chế của mục tiêu TNK trong việc phản ánh sự phát triển con người ở Việt Nam

Một vấn đề quan trọng cần xem xét cho khuôn khổ sau năm 2015 là làm thế nào sự bất bình đẳng trong nội bộ các quốc gia có thể được nhận diện tốt hơn và phản ánh tốt hơn ở các chỉ tiêu phát triển mới đang được xây dựng. Ví dụ như đối với bình đẳng giới, Việt Nam đã thành công trong việc tăng số học sinh nữ ở bậc tiểu học và trung học cơ sở. Tỷ lệ nhập học cấp tiểu học ở nữ



hiện là 91,5%, thấp hơn chưa đầy một điểm phần trăm so với học sinh nam là 92,3%, tỷ lệ nhập học ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông ở nữ cao hơn tỷ lệ này ở nam. Tuy nhiên, còn có những khía cạnh khác về bình đẳng giới chưa được phản ánh trong mục tiêu TNK, những khía cạnh không dễ lượng hóa và không dễ thể hiện bằng các chỉ tiêu tổng hợp nhưng không kém phần quan trọng để hiểu mối quan hệ giới. Đơn cử như tỷ lệ bạo hành gia đình và bạo lực tình dục ở Việt Nam được báo cáo ở mức cao. Theo một nghiên cứu của Tổng cục Thống kê năm 2010, gần một trong số ba người phụ nữ đã từng kết hôn bị chồng bạo hành về thể chất và tình dục.

Trong khi Việt Nam đã thực hiện tốt mục tiêu TNK về các vấn đề liên quan đến y tế, sự bất bình đẳng và phân biệt vẫn rất rõ ràng. Tỷ lệ tử vong ở trẻ em sơ sinh và dưới năm tuổi của người Hmông cao gấp ba lần so với tỷ lệ trung bình trên toàn quốc. Các báo cáo năm 2012 cho thấy so sánh với trung bình trên toàn quốc, tỷ lệ tử vong mẹ ở 225 huyện vùng khó khăn cao gấp hai lần và tỷ lệ này ở 62 huyện nghèo nhất cao gấp 5 lần. Một lĩnh vực quan trọng khác khó có thể đo lường là vấn đề chất lượng quản trị, vấn đề mà nhiều nghiên cứu đều đánh giá là mối lo ngại chính của công dân Việt Nam và là một yếu tố có tính quyết định đối với kết quả phát triển. Thách thức cho khuôn khổ hậu mục tiêu TNK là làm thế nào để phản ánh những vấn đề quan trọng nhưng khó định lượng để có thể đảm bảo rằng các yếu tố phát triển con người có thể đo lường một cách đúng đắn và toàn diện.



Chất lượng quản trị công, mối bận tâm của nhiều người dân Việt Nam, cần được nêu lên trong khuôn khổ phát triển sau các mục tiêu TNK. © UN Việt Nam\2013\Aiden Dockery

2.3 Tương lai của mục tiêu TNK

Gần đây Việt Nam đã trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp. Điều này phản ánh những thay đổi lớn đã diễn ra ở Việt Nam trong 25 năm qua. Hiện tại, nhiều người đã đạt được mức an toàn đáng kể về mặt tài chính và thu nhập của gia đình đủ đáp ứng cho mục đích tiêu dùng. Người dân có nhiều lựa chọn trong việc chi tiêu, thời gian giải trí và cũng có nhiều cơ hội để cải thiện tương lai của con cái họ. Tuy nhiên, đói nghèo cùng cực vẫn tồn tại, và kết quả tham vấn đã nhấn mạnh, nhiều người vẫn đang sống ở mức gần chuẩn nghèo và có nguy cơ cao quay lại mức nghèo.

Đối với vấn đề này, trường hợp của Việt Nam đang phản ánh sự thay đổi đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu, bởi hơn một nửa số người nghèo thế giới đang sống ở các nước có thu nhập trung bình. Do đó, hướng đến một chương trình phát triển sau năm 2015, vấn đề quan trọng được nêu



lên rằng liệu các mục tiêu mới chỉ nên hướng đến những người chưa thể (hoặc có rủi ro không thể) đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của họ, hay những mục tiêu này sẽ phải phản ánh được mối quan tâm lớn hơn của cả những người đã đạt được một mức độ an toàn cao hơn trong xã hội. Một câu hỏi quan trọng nữa đặt ra là liệu chương trình phát triển sau 2015 nên tập trung ở phạm vi quốc gia hay tập trung vào nhóm người nghèo nhất dù họ cư trú ở bất cứ quốc gia nào.

2.4 Những vấn đề phát triển chủ chốt đối với tương lai của Việt Nam

Trong nỗ lực đóng góp cho tiến trình thảo luận và tham vấn về tương lai sau năm 2015, LHQ tại Việt Nam đã thực hiện báo cáo cơ sở về những cơ hội và thách thức phát triển đối với Việt Nam sau năm 2015. Báo cáo cơ sở này được chuẩn bị trước quá trình tham vấn và dựa trên nghiên cứu tài liệu chính sách và chiến lược phát triển của Chính phủ Việt Nam, báo cáo nghiên cứu và phân tích của LHQ, tài liệu của các đối tác phát triển. Danh sách những tài liệu này được liệt kê trong Phụ lục 2. Báo cáo cơ sở nhận định Việt Nam cần tập trung giải quyết sáu nội dung cơ bản sau đây:

1. Phát triển trong một thế giới hạn hẹp về nguồn lực: Đối phó với thách thức biến đổi khí hậu trên toàn cầu và đảm bảo môi trường bền vững trong tương lai. Chủ đề này nhấn mạnh vào tính dễ bị tổn thương của Việt Nam trước ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và do vậy cần từng bước hành động để thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cũng như giải quyết nguyên nhân gốc rễ của vấn đề. Giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu sẽ kéo theo sự thay đổi về phương thức sản xuất và tiêu thụ, cụ thể là chúng ta cần điều chỉnh hành vi để đảm bảo sự bền vững môi trường trong tương lai. Chính phủ Việt Nam cần đóng vai trò then chốt để đảm bảo rằng Việt Nam hoạch định và quản trị một tương lai bền vững về môi trường.



Việt Nam rất nhạy cảm với các tác động của biến đổi khí hậu và vấn đề này cần được chú ý giải quyết.
© UN Việt Nam\2013\Aiden Dockery

2. Một mô hình tăng trưởng kinh tế mới: Phát triển mô hình toàn diện bền vững về môi trường dựa trên đổi mới sáng tạo. Nội dung thứ hai của báo cáo tìm hiểu những hạn chế của mô hình phát triển hiện tại, xét trên tính hiệu quả của sản xuất và những trở ngại mang tính cấu trúc mà nền kinh tế Việt Nam đang gặp phải. Cải thiện chất lượng phát triển là yếu tố then chốt và coi việc phát triển nguồn nhân lực là trọng tâm của chiến lược tăng trưởng theo hướng sáng tạo, trên cơ sở đảm bảo môi trường bền vững và đảm bảo các cơ hội được chia sẻ đồng đều giữa các vùng miền và các nhóm dân cư.



3. Thách thức đối nghèo: Chống lại đói nghèo cùng cực trong khi giải quyết các hình thức mới của đói nghèo, bất bình đẳng và tình trạng dễ bị tổn thương. Đói nghèo cùng cực qua nhiều thế hệ vẫn tồn tại ở Việt Nam, đặc biệt phổ biến ở các nhóm dân tộc ít người. Đa phần nghèo đói tập trung ở những nhóm này hơn so với nhóm dân tộc Kinh. Đói nghèo ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân nông thôn nhiều hơn so với những người sống ở thành thị, không chỉ trên phương diện thu nhập. Bất bình đẳng giữa các dân tộc ít người và dân tộc Kinh, giữa khu vực nông thôn và thành thị đã ảnh hưởng tới mọi mặt về phát triển con người. Cách tiếp cận từ trên xuống nhằm giảm thiểu đói nghèo từng rất thành công trong quá khứ không đủ để giải quyết tình trạng đói nghèo cùng cực hiện nay. Thay vào đó là những phương pháp tiếp cận dựa trên sự tham gia nhằm giải quyết tình trạng bị bỏ rơi của một số nhóm người trong xã hội và chính tình trạng này càng khiến nhiều người bị trói chặt trong vòng luẩn quẩn của đói nghèo.

Các hình thức mới của đói nghèo đang xuất hiện, đặc biệt là nghèo thành thị, và tính dễ bị tổn thương của người dân trước các cú sốc về kinh tế và môi trường cũng đang tăng lên. Bất bình đẳng đang gia tăng và trở thành thách thức lớn đối với tương lai của Việt Nam. Bất bình đẳng xuất hiện trên nhiều lĩnh vực từ kinh tế, xã hội và tiếp cận dịch vụ công nhưng hình thức rõ nhất của bất bình đẳng tại Việt Nam là bất bình đẳng giới. Khi nào vấn đề bất bình đẳng giới và các hình thức của nó còn tồn tại, thì chúng ta chưa thể có sự phát triển bền vững và dành cho mọi người.

4. Thay đổi nhân khẩu học tại Việt Nam: Đối diện với sự thay đổi về nhân khẩu học và cần thiết phải có một hệ thống an sinh xã hội toàn diện. Việt Nam đang ở trong giai đoạn nhân khẩu học đặc biệt với rất đông dân số đang trong tuổi lao động và già hóa dân số nhanh. Điều này đem lại cả cơ hội và thách thức đối với hai nhóm dân số này và đối với xã hội nói chung. Đối với thanh niên, thách thức của họ là phải tìm được công việc ý nghĩa và năng suất cao, trong khi người cao tuổi cần một hệ thống an sinh xã hội và chăm sóc của nhà nước phù hợp hơn do truyền thống chăm sóc người cao tuổi trong gia đình đang dần mai một.



Người dân mong muốn có một hệ thống an sinh xã hội toàn diện cho tất cả công dân Việt Nam.
© UN Việt Nam\2013\Aiden Dockery

Hai xu hướng này đã đẩy nhanh hơn quá trình đô thị hóa, cơ cấu lại sự phân bố dân cư trên lãnh thổ Việt Nam, đẩy mạnh phát triển kinh tế ở đô thị và đồng thời tạo nên sức ép đối với môi trường đô thị và quản lý đô thị. Sự thay đổi về nhân khẩu học đòi hỏi sự cần thiết phải phát triển một hệ thống an sinh xã hội toàn diện cho tất cả mọi người.

- 5. Đảm bảo tiếp cận các dịch vụ xã hội có chất lượng:** Đảm bảo khả năng tiếp cận công bằng, phổ cập đến các dịch vụ giáo dục và y tế, bao gồm cả chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, và xử lý các thách thức mới về y tế công cộng. Việt Nam có nhu cầu cấp bách về việc cung cấp các dịch vụ xã hội có chất lượng, công bằng có tính phổ cập cao, đặc biệt là dịch vụ y tế và giáo dục. Việt Nam là một đất nước có chế độ cung cấp dịch vụ công tương đối công bằng và toàn diện nhưng điều này đã không còn tồn tại nữa cùng với sự xuất hiện của nền kinh tế thị trường đã mang lại nguyên lý “xã hội hóa”, hay nói một cách khác là người dân và nhà nước cùng gánh chi phí dịch vụ công. Trong thực tế, điều này đã làm xuất hiện phí do người tiêu dùng chi trả và hệ thống phân tầng người sử dụng, trong đó người nghèo không có khả năng chi trả phí dịch vụ công còn người giàu có xu hướng lựa chọn sử dụng dịch vụ tư. Có sự bất bình đẳng ngày càng lớn trong tiếp cận dịch vụ công giữa các vùng miền, giữa các nhóm dân cư, đặc biệt nhóm dân tộc ít người, dân nhập cư đô thị, người nghèo nông thôn và thành thị không được hưởng đầy đủ các dịch vụ y tế và giáo dục. Thách thức mới đối với y tế công cộng đang gia tăng, đặc biệt yêu cầu giải quyết vấn đề HIV/AIDS cần được tập trung cao độ.
- 6. Quản trị cho tương lai:** Nâng cao chất lượng quản trị, thúc đẩy sự tham gia và khái niệm về một xã hội dành cho tất cả mọi người. Nội dung cuối cùng của báo cáo cơ sở là cải thiện chất lượng quản trị, nhân tố có trong tất cả các thách thức đã được nhận diện. Cần thiết phải cải cách hành chính công để giải quyết vấn đề tham nhũng và tăng cường sự tham gia, trách nhiệm giải trình và tự do ngôn luận. Đây là những điều kiện tiên quyết để xây dựng một Việt Nam hiện đại, tự tin và tiên tiến, một xã hội mà tiềm năng phát triển của tất cả công dân đều được khai thác, đồng thời đề cao tính đa dạng về văn hóa.

3. Quá trình tham vấn

Tham vấn của Việt Nam về tiến trình phát triển sau năm 2015 đã được thực hiện với đối tượng nam giới, phụ nữ, trẻ em và thanh niên của tám nhóm mục tiêu. LHQ đã lựa chọn nhóm tham vấn trên cơ sở là những nhóm ít có tiếng nói trong các quá trình tham vấn chính thống.

Tám nhóm mục tiêu bao gồm:

- Dân tộc ít người
- Người cao tuổi
- Người có HIV/AIDS, bao gồm người sử dụng ma túy
- Người khuyết tật
- Khu vực tư nhân
- Người nghèo nông thôn, bao gồm nông dân không có đất
- Người nghèo đô thị, bao gồm lao động làm việc trong khu vực phi chính thức và dân nhập cư
- Thanh thiếu niên

LHQ đã xây dựng một khung tham vấn bao gồm một bộ câu hỏi hướng dẫn. Khung tham vấn hướng dẫn quy trình tham vấn và quy định phương pháp phân tích và cấu trúc báo cáo chung đáp ứng được yêu cầu của Nhóm Phát triển Liên Hợp Quốc và quá trình tư vấn toàn cầu. Khung tham vấn cũng bao gồm chiến lược lồng ghép giới trong quá trình tham vấn, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cần phải tham vấn đối với cả nam giới và phụ nữ, và phản ánh các vấn đề về giới trong tất cả các nhóm và trong các chủ đề tham vấn.

Quá trình tham vấn bắt đầu vào tháng 11 năm 2012 và kết thúc vào tháng 1 năm 2013. Báo cáo và các tài liệu tham vấn đã được hoàn thiện trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến đầu tháng 2 năm 2013. Tháng 3 năm 2013, LHQ tại Việt Nam và Chính phủ Việt Nam đã tổ chức một hội thảo về những phát hiện trong quá trình tham vấn.



Tiếng nói từ hoạt động tham vấn với sự tham gia của người dân từ tám nhóm mục tiêu tại Hội thảo Tham vấn quốc gia về Chương trình Phát triển sau năm 2015 tại Hà Nội ngày 20 tháng 3 năm 2013.

© UN Việt Nam\2013\Trương Việt Hùng



Bảng 1: Tóm tắt quá trình tham vấn

Nhóm mục tiêu	Số người được tham vấn	Phân loại theo giới	Địa điểm	Phương thức tham vấn	Cơ quan LHQ chịu trách nhiệm chính
Dân tộc ít người	186	Men: 67% Women: 33%	Yên Bái, Đắk Lắk	Thảo luận nhóm và phỏng vấn	<u>UNDP</u> , UNFPA, UN Women, UNESCO
Người cao tuổi	29	Men: 50%, Women: 50%	Hà Nội, Hưng Yên	Thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu	<u>WHO</u> , UNFPA
Người có HIV/AIDS	130	Men: 50% Women: 50%	TP Hồ Chí Minh	Thảo luận nhóm	<u>UNAIDS</u> , UN Women, UNODC
Người khuyết tật	193	Men: 53% Women: 47%	Hà Nội, Thanh Hóa, Quảng Bình	Thảo luận nhóm	<u>UNICEF</u> , ILO
Khu vực tư nhân	98	Men: 45% Women: 55%	Hà Nội, TP Hồ Chí Minh	Hội thảo tham vấn	<u>UNIDO</u> , ILO
Người nghèo nông thôn	85	Men: 40% Women: 60%	Vĩnh Phúc, Quảng Nam	Thảo luận nhóm	<u>FAO</u>
Người nghèo thành thị	179	Men: 35% Women: 65%	Đà Nẵng, Hà Nội	Thảo luận nhóm và phỏng vấn	<u>UN-Habitat</u> , ILO
Thanh thiếu niên	423	Women: 57% Men: 43%	Hà Nội, Phú Thọ, Bắc Kạn, Long An	Thảo luận nhóm và điều tra	<u>UNFPA</u> , ILO, UNV, UNICEF

LHQ đã chỉ định cơ quan LHQ chịu trách nhiệm phụ trách từng nhóm tham vấn và tổ chức các hoạt động tham vấn, lựa chọn đối tác và người tham dự cũng như phương pháp tham vấn đối với nhóm đó. Nhiều cơ quan LHQ đã cộng tác với các tổ chức xã hội dân sự, mạng lưới các hiệp hội ngành nghề và các cơ quan nghiên cứu để tiếp cận các nhóm mục tiêu. Trong suốt quá trình tham vấn, bộ câu hỏi chung trong khung tham vấn đã được sử dụng và bộ câu hỏi này được trình bày trong Phụ lục 1.

Bên cạnh đó, mỗi nhóm cũng có một số câu hỏi riêng, bao gồm những câu hỏi giúp xác định các vấn đề và nguyện vọng cụ thể của nam giới và phụ nữ. Mỗi cơ quan LHQ tự quyết định phương pháp tham vấn và tuyển chọn các điều phối viên giàu kinh nghiệm tổ chức các hoạt động tham vấn, ghi nhận và báo cáo kết quả tham vấn.

Hoạt động tham vấn đã diễn ra tại các thành phố lớn bao gồm Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Các sự kiện được tổ chức ở nhiều tỉnh thành có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau như Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Quảng Bình, Yên Bái và Đắk Lắk.

Tổng số hơn 1.320 người đã được tham vấn. Mỗi nhóm tham vấn có quy mô từ 6 - 10 người để đảm bảo tất cả mọi người đều có cơ hội trình bày ý kiến của mình. Phụ nữ đã tham gia cả các nhóm dành cho cả nam và nữ và các nhóm chỉ dành cho nữ.



4. Kết quả tham vấn: Thách thức và khát vọng riêng của nhóm mục tiêu

Mỗi nhóm mục tiêu có những thách thức và khát vọng riêng, đồng thời cũng chia sẻ một số thách thức và khát vọng chung. Chương này của báo cáo sẽ trình bày các thách thức cũng như nguyện vọng của từng nhóm mục tiêu, và sau đó là những vấn đề chung của tất cả các nhóm¹.

4.1 Thách thức và khát vọng đặc thù của từng nhóm mục tiêu

Nhóm dân tộc ít người: Đối tượng nam giới, phụ nữ và trẻ em thuộc các nhóm dân tộc ít người được tham vấn đã xác định một loạt các thách thức đặc thù họ đang phải đối mặt. Nhóm dân tộc thiểu số thường sống ở các khu vực đồi núi và vùng sâu vùng xa, là những nơi phải đối diện với sự mất an toàn lương thực và nghèo đói nhiều hơn các vùng khác. Kết quả tham vấn của báo cáo đã xác nhận điều này.



Khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản vẫn là một trở ngại lớn mà các nhóm dân tộc ít người gặp phải. © UN Việt Nam\2013

“Chúng tôi đã được chính phủ hỗ trợ đất trồng trọt và hạt giống cây xoài, hạt điều và cây sầu riêng. Nhưng tất cả đều chết vì đất xấu và vì chúng tôi không có đủ nước tưới. Chúng tôi không có đủ lương thực để ăn. Thậm chí, đến nước uống cũng thiếu nên chúng tôi phải mua cả nước uống.”

(Trưởng thôn Ea Pong, xã Easin, tỉnh Đắk Lắk)

“Rất khó để tới được các làng bản do thiếu đường xá. Đó là lý do tại sao phụ nữ phải chịu nhiều vất vả do họ yếu hơn nam giới. Họ thường bị ngã do trơn trượt trên đồng ruộng khi trời mưa. Trẻ em đặc biệt là các bé gái đôi khi phải bỏ học vì quãng đường tới trường quá xa.”

(Thảo luận nhóm ở xã Xà Hồ, tỉnh Yên Bái)

¹ Cần lưu ý do tính chất của thành phần các nhóm tham vấn là phức tạp và đa dạng nên những người được tham vấn thường giới thiệu về mình với các vai trò xã hội khác nhau và do vậy mối quan tâm và ước vọng của họ rất khác nhau và rất rộng.

Tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản là một trở ngại lớn đối với nhóm này mà nguyên nhân là do điều kiện cơ sở vật chất yếu kém và thiếu nhạy cảm của những người cung cấp dịch vụ đối với văn hóa và phong tục đặc thù của nhóm dân tộc thiểu số. Đất sản xuất của họ vô cùng nghèo nàn, kém màu mỡ hơn nhiều nơi khác ở Việt Nam, do đó người dân không thể đa dạng hóa nông nghiệp, khó cải thiện thu nhập và tình trạng mất an toàn lương thực càng gia tăng. Sống ở các vùng cao, khiến nhóm này ở xa chợ và không có cơ hội kinh tế và tiếp cận việc làm thay thế, do đó cơ hội cải thiện thu nhập cũng ít hơn.

“Bên cạnh đường xá, điện thắp sáng cũng là vấn đề khó khăn của xã. Có điện thì mới phát triển được sản xuất và dịch vụ.”

(Thảo luận nhóm, xã Xà Hồ, tỉnh Yên Bái, cán bộ xã)

“Mấy xã quanh đây có chợ thì bà con lại biết tiếng Kinh nhiều hơn xã này (xã Easin)”. Hỏi: “Tại sao thế?” Trả lời: “Vì người bán chỉ nói tiếng Kinh nên người mua buộc phải biết để tránh bị lừa chứ chị”.

(Phỏng vấn sâu một người bán hàng ở xã Easin, tỉnh Đắk Lắk)

Bất bình đẳng giới là một vấn đề nổi bật đối với phụ nữ dân tộc thiểu số. Những người phụ nữ này phải làm việc quá tải, họ phải đảm đương việc đồng áng trong khi vẫn phải chăm lo việc nhà. Phụ nữ dân tộc thiểu số thường có nhiều con và phải quay lại làm việc chỉ vài ngày sau khi sinh. Họ thường không được tham gia các khóa tập huấn về nông nghiệp dù họ là lao động chính đối với việc sản xuất. Họ cũng không thể tham dự các buổi họp của xã vì họ phải đảm đương việc chăm lo con cái và việc nhà. So với nam giới, họ kém thông thạo tiếng Việt hơn, điều này làm cho mọi việc trở nên khó khăn hơn.

“Ngoài giờ học thì em phải trông em, cắt cỏ cho bò, cho heo ăn, nấu cơm, tưới cà, làm cỏ, nhiều việc lắm.”

(Thảo luận nhóm với các học sinh nữ ở trường Easin)

“Phụ nữ Êđê mình khổ lắm, khi mang thai phải đi làm cho đến khi sinh con, sinh con xong 3 ngày đã phải đi làm việc, nào là lấy nước, lấy củi và lên nương nữa, phải mang cả con đi theo, mệt lắm nhưng không đi làm chẳng ai làm cho”

(Thảo luận nhóm với phụ nữ ở xã Easin, tỉnh Đắk Lắk)

Kinh tế và xã hội thay đổi do sự thay đổi của nền kinh tế thị trường đã tạo ra vấn đề nan giải cho cộng đồng dân tộc thiểu số, và bằng chứng là những gì họ đã chia sẻ. Một số người cho biết thương mại hóa đất đai đã tạo áp lực lên hệ thống sở hữu đất và ảnh hưởng của văn hóa xã hội cũng làm thay đổi thói quen sinh hoạt và tiếp xúc của cộng đồng.

“Tôi không biết đọc. Tôi đã có cơ hội được tập huấn về nông nghiệp nhưng tôi không biết cách làm theo hướng dẫn khi tôi trở về nhà”.

(Thảo luận nhóm với nông dân người Mông, xã Xà Hồ, tỉnh Yên Bái)



Nói về mong muốn cho tương lai, những trẻ em dân tộc thiểu số đã chia sẻ khát vọng được sống trong một xã hội hiện đại và thoải mái như những trẻ em bình thường khác, các em nhỏ cũng thể hiện sự tôn trọng với môi trường tự nhiên mình đang sống.

“Em mong mình sẽ học thật giỏi để ba mẹ cho em đi học cấp 3.”

(Một học sinh nữ lớp 6, trường nội trú Xà Hồ, tỉnh Yên Bái)

“Em muốn thay đổi cuộc sống của em, em muốn có một ngôi nhà tốt để cả nhà cùng được sống vui vẻ bên nhau.”

(Một học sinh lớp 5, trường Easin, tỉnh Đắk Lắk)

Người cao tuổi: Người cao tuổi mong muốn hệ thống an sinh xã hội được cải thiện để họ có thể tham gia một cách công bằng như tất cả mọi người trong xã hội. Họ nhấn mạnh mối quan ngại đối với hệ quả của sự thay đổi kinh tế - xã hội nhanh chóng đang diễn ra trên cả phạm vi gia đình và xã hội. Gánh nặng phải chăm sóc trẻ nhỏ đổ lên vai người cao tuổi khi cha mẹ của đứa trẻ phải làm nhiều giờ hơn trong nền kinh tế thị trường hiện nay.



Người cao tuổi rất quan tâm đến các tác động từ những thay đổi kinh tế - xã hội nhanh chóng.
© UN Việt Nam\Colorista\2013

“Trước đây nhiều thế hệ cùng chung sống trong một gia đình. Nhưng giờ đây thanh niên bận bịu với công việc, nên dù họ có cùng sống trong một làng với cha mẹ, ông bà thì họ cũng hiếm khi đến thăm nom được, trừ những lúc người thân của họ bị đau ốm.”

(Thảo luận Nhóm tập trung với người cao tuổi ở Hưng Yên)

“Dù chúng tôi đã lớn tuổi nhưng vẫn phải làm việc trên đồng ruộng để hỗ trợ cho gia đình và con cháu.”

(Thảo luận nhóm ở xã Xà Hồ, tỉnh Yên Bái)

Người cao tuổi đang phải sống với chế độ lương hưu thấp trong khi giá cả sinh hoạt tăng nhanh. Thêm vào đó, bảo hiểm y tế không chi trả toàn bộ viện phí trong khi viện phí tăng vượt quá mức người cao tuổi có thể chi trả cho việc chăm sóc sức khỏe, khiến cho họ gặp nhiều khó khăn. Do vậy, vấn đề dịch vụ chăm sóc sức khỏe và khả năng chi trả của người cao tuổi là một vấn đề cần được quan tâm nhiều hơn.



“Vài năm trước, tôi bị đau dạ dày và đi khám ở một bệnh viện tuyến huyện, tôi chỉ nhận được một ít thuốc của bảo hiểm y tế. Thái độ phục vụ của nhân viên cũng không tốt, do đó tôi đã chuyển đến Bệnh viện 108 mà không có bảo hiểm. Chi phí rất đắt nhưng chúng tôi đành chấp nhận vì sự an toàn cho bản thân, thuốc của bảo hiểm y tế rất nghèo nàn và không đảm bảo chữa được bệnh.”

(Thảo luận Nhóm tập trung với người cao tuổi ở Hưng Yên)



Người cao tuổi mong muốn được sống có ích cho cộng đồng và cho xã hội. © UN Việt Nam\Colorista\2013

Sự suy giảm đạo đức của thế hệ trẻ và cảm giác vô dụng khi không thể giúp đỡ gia đình giáo dục con trẻ cũng là một mối quan tâm lớn của người cao tuổi. Họ tin rằng, họ vẫn có vai trò quan trọng đối với gia đình. Người cao tuổi mong muốn được đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

“Tệ nạn xã hội trở nên phổ biến, đặc biệt là nghiện ma túy. Trẻ em và thanh niên lơ là việc học tập, giao du và trộm cắp. Chúng tôi lo lắng cho chúng và không muốn con cháu mình có dính dáng đến những thứ này ...”

(Thảo luận nhóm ở tỉnh Hưng Yên)

Trong số những người cao tuổi ở nông thôn, có nhiều người bày tỏ mong muốn cống hiến cho xã hội. Họ cũng thấy rằng phong tục cưới hỏi và ma chay ngày càng trở nên nặng nề.

“Lễ nghi truyền thống đôi khi rất tốn kém. Tới dự một bữa tiệc cũng có nghĩa là phải chi trả một khoản tiền. Những người không có tiền phải đi vay để đi dự, do đó, việc được mời đến một bữa tiệc chỉ khiến chúng tôi thêm lo lắng và e ngại.”

(Thảo luận Nhóm tập trung ở Hưng Yên)



Nhìn chung, người cao tuổi thể hiện mong muốn được duy trì quan hệ gần gũi với con cháu và gia đình để hỗ trợ lẫn nhau nhưng đồng thời họ cũng muốn được độc lập. Họ mong muốn có thể tham gia và hưởng thụ những hoạt động xã hội dành cho người cao tuổi. Tuy nhiên, hiện tại vẫn thiếu cơ sở vật chất và không gian cho những hoạt động này.

“Không có địa điểm để người cao tuổi tham gia các hoạt động tập thể. Chúng tôi phải mượn chỗ ở chùa để gặp gỡ. Chúng tôi cũng đề nghị trưởng thôn về vấn đề này nhưng bị từ chối và chúng tôi đành chấp nhận. Chúng tôi không thể tổ chức các hoạt động tập thể vì thiếu cơ sở vật chất. Đôi khi chúng tôi phải tổ chức đi dã ngoại đến các địa điểm danh lam thắng cảnh như chùa Bái Đính, Tràng An, nhưng một năm cũng chỉ tổ chức được vài lần.”

(Thảo luận Nhóm tập trung với người cao tuổi ở Hưng Yên)

Người cao tuổi cả nam và nữ đều thể hiện quan điểm chung về tầm quan trọng của quan hệ gia đình và đời sống cộng đồng bền chặt, sức khỏe tốt và hệ thống chăm sóc sức khỏe với chi phí hợp lý và dễ tiếp cận. Tuy nhiên, nhiều phụ nữ hơn nam giới mong muốn tiếp cận các hoạt động xã hội và giảm trách nhiệm nội trợ để họ có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn. Chia sẻ này đã phản ánh rõ mức độ hạn chế của các cơ hội cho phụ nữ, cũng như gánh nặng trách nhiệm nội trợ họ phải đảm nhận.

Người có HIV/AIDS: Phân biệt đối xử và bị xa lánh là chủ đề chính trong các buổi tham vấn đối với nhóm người có HIV/AIDS và người sử dụng ma túy. Sự phân biệt đối xử và kỳ thị có thể được cảm nhận rõ ràng ở mọi cấp độ, từ gia đình, xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị cung cấp dịch vụ trong xã hội nói chung. Nhóm cho biết họ bị các cơ sở y tế phân biệt đối xử và họ rất thiếu thông tin về quyền lợi cũng như các vấn đề của mình.



Những người có HIV/AIDS xác định kỳ thị và phân biệt đối xử là các thách thức lớn mà họ phải đối mặt.
© UN Việt Nam\2013

Người có HIV/AIDS cũng gặp rào cản khi tiếp cận các dịch vụ công và các cơ hội đào tạo nghề. Họ thường phải trả “phí việc làm” để có được công việc và được chứng nhận là khỏe mạnh hoặc “có hành vi tốt”. Những người có HIV/AIDS hiếm có thể tự trả phí này hoặc có được những chứng nhận từ công an hoặc các tổ chức dân sự xã hội. Họ phải đối mặt với khó khăn để có được bảo hiểm y tế vì họ không có thu nhập ổn định và không thể trả được phí bảo hiểm.

Phân biệt đối xử và xa lánh khiến những người có HIV/AIDS trở nên tự ti và có hành vi xa lánh cộng đồng. Do đó, họ thường tránh xa các trung tâm y tế và điều này đồng nghĩa với việc họ không thể tuân theo lộ trình điều trị.

Thêm vào đó, người sử dụng ma túy lo lắng đối với phương pháp cai nghiện hiện nay với tỷ lệ tái nghiện cao. Các nhà chức trách cấp quốc gia vẫn nhìn nhận người sử dụng ma túy như là một “tệ nạn xã hội”, và nhiều người nghiện không đủ tự tin tham gia chương trình điều trị hiện tại và nhìn nhận cách thức điều trị như là một biện pháp trừng trị hơn là điều trị.

“Hiện tại, sau khi cai nghiện, tái nghiện vẫn xảy ra và lặp đi lặp lại – đây là một phương pháp vô dụng.”

(Thảo luận với nhóm sử dụng ma túy, thành phố Hồ Chí Minh)

“Sử dụng ma túy gắn liền với hình ảnh của tệ nạn xã hội. Mọi người đều cho rằng người nghiện là những kẻ trộm cắp, người xấu. Nhưng nhận thức này hết sức sai lầm. Điều này đã tạo ra rào cản lớn khiến cho người nghiện khó cai nghiện và hòa nhập cộng đồng.”

(Nhóm tập trung, ý kiến nam giới, thành phố Hồ Chí Minh)

Phụ nữ sử dụng ma túy cho biết họ không được đối xử công bằng trong việc điều trị như nam giới và mất khả năng tự chủ về quyền sinh sản bởi vì họ có HIV. Họ cho biết những người lao động khỏe mạnh thường khuyên họ không nên có con hay bỏ thai nhi thay vì hướng dẫn họ cách để có thai an toàn và sinh con không có HIV. Phụ nữ có HIV/AIDS mong muốn có một gia đình hạnh phúc, được gia đình hỗ trợ và tôn trọng.

Người sống có HIV mong muốn một tương lai mà các trung tâm y tế thân thiện và hỗ trợ họ nhiều hơn. Họ cũng mong muốn các chính sách bảo vệ danh tính của người có HIV. Những người nghiện ma túy mong muốn có phương pháp điều trị hiệu quả và chi phí hợp lý. Người có HIV mong muốn có một chiến dịch tăng cường hiểu biết của người tuyển dụng lao động về HIV để truyền tải một hình ảnh tích cực về người sống chung với HIV, rằng những người có HIV hoàn toàn có thể làm việc hiệu quả.

Người khuyết tật: Chủ đề được đề cập nhiều từ hoạt động tham vấn với nhóm người khuyết tật là sự kỳ thị trong nhiều khía cạnh của cuộc sống mà họ đang đối phải mặt và họ khát khao được đối xử công bằng và được xã hội trân trọng.





Người khuyết tật mong muốn được đối xử như mọi người khác. © UN Việt Nam\2013

Khuôn khổ pháp lý quốc tế đã có ảnh hưởng tích cực đối với người khuyết tật và quyền lợi của người khuyết tật đã được quy định rõ ràng theo luật pháp Việt Nam. Tuy nhiên, hầu hết mọi người cho rằng luật chưa được thực thi một cách toàn diện. Cụ thể, thông tin và các cơ hội đào tạo nghề cho người khuyết tật rất hạn chế, người khuyết tật thường không có việc làm và bị nhìn nhận là không có khả năng lao động.

Một khía cạnh nữa của phân biệt đối xử mà phụ nữ khuyết tật nhấn mạnh là quan niệm của mọi người cho rằng họ không thể có gia đình và trở thành mẹ. Phụ nữ khuyết tật nào may mắn lấy được chồng thì cũng không được nhà chồng giúp đỡ. Bên cạnh đó, vấn đề quấy rối tình dục đối với phụ nữ khuyết tật cũng là một vấn đề nhức nhối.

Trong các buổi tham vấn, người khuyết tật đề cập rằng họ ít nhận được sự hỗ trợ của chính phủ về mặt miễn thuế, và họ gặp phải nhiều khó khăn để tiếp cận được những ưu đãi này. Phương tiện giao thông công cộng ở Việt Nam cũng chưa được thiết kế để có thể phục vụ được cho người khuyết tật, thậm chí ở những thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, phương tiện di chuyển tới các địa điểm công cộng cho người khuyết tật vẫn còn rất nghèo nàn. Điều này ảnh hưởng đến mong muốn được tự lập của người khuyết tật bao gồm cả nam giới, phụ nữ và trẻ em. Khu vực tư nhân cũng không có hỗ trợ gì nhiều, đơn cử máy rút tiền ATM, internet cho người mù cũng còn hạn chế.

"Mong ước của tôi là có thể sống tự lập và không bị phụ thuộc vào các thành viên khác của gia đình. Khó khăn lớn nhất đối với tôi là việc di chuyển, không có bất kỳ phương tiện giao thông nào dành riêng cho người khuyết tật để tới các khu vực công cộng. Điều này đã làm cản trở việc học của tôi và tôi phải phụ thuộc vào gia đình mình."

(Sinh viên cao đẳng, Đại học Đồng Tháp)

Mong muốn được đi học cùng các trẻ em bình thường khác và không bị phân biệt cũng là một mong muốn nổi bật. Trẻ em khuyết tật cũng có ước mơ về một công việc tốt với thu nhập ổn định, và một cuộc sống gia đình hạnh phúc.



Khu vực tư nhân: Bốn nội dung chính được tập trung thảo luận trong quá trình tham vấn bao gồm: Doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế và chuỗi giá trị toàn cầu; mô hình phát triển kinh tế mới; đảm bảo lực lượng lao động lành nghề; vấn đề đại diện, vận động chính sách và môi trường pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam.



Khu vực tư nhân kêu gọi sự công nhận nhiều hơn dành cho những đóng góp của khu vực này vào sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. © UN Việt Nam\2013

Doanh nghiệp cho biết họ cần hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, đặc biệt là ở phân khúc chuỗi giá trị gia tăng cao hơn và nhiều hàm lượng công nghệ hơn, và nâng cao năng lực để tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Doanh nghiệp thấy cần thiết phải nâng cao nhận thức về các thỏa thuận, hiệp ước quốc tế để chuẩn bị tốt hơn cho doanh nghiệp trước các cơ hội và rủi ro; cần có sự tham gia nhiều hơn của khối tư nhân trong quá trình đàm phán các thỏa ước; và cần phải xây dựng lộ trình phát triển doanh nghiệp và tuân thủ các vấn đề môi trường. Doanh nghiệp cũng yêu cầu cần có sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính để bảo vệ môi trường.

“Doanh nghiệp nhỏ và vừa rất dễ bị tổn thương bởi các rào cản cam kết thương mại và rào cản kỹ thuật. Họ không thể áp dụng kỹ thuật mới ngay lập tức để thích ứng với thay đổi về các tiêu chuẩn hoặc yêu cầu kỹ thuật bởi vì họ không có đủ nguồn tài chính.”

(Thảo luận nhóm ở Hà Nội)

Mở rộng mạng lưới cùng với việc đẩy mạnh vai trò của hiệp hội doanh nghiệp và các cụm công nghiệp là yếu tố then chốt để thúc đẩy cách tiếp cận liên kết chặt chẽ hơn trong chuỗi giá trị. Bên cạnh đó, môi trường kinh doanh không minh bạch cùng với sự bất ổn định về chính sách với quá nhiều quy định pháp luật cũng là một thách thức lớn. Chính phủ cần tạo ra môi trường thông tin minh bạch hơn, công bằng hơn đối với tất cả các doanh nghiệp (ví dụ như trong việc đẩy mạnh tính tuân thủ pháp luật).

“Một mặt, doanh nghiệp không đủ kiến thức chuyên môn để tuân thủ những quy định về môi trường. Mặt khác, những quy định quá tham vọng và trùng lặp là nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ tuân thủ các quy định thấp.”

(Thảo luận nhóm ở thành phố Hồ Chí Minh)



Cần có nhiều hoạt động dạy nghề linh hoạt để chuẩn bị lực lượng lao động có thể đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và của ngành; phát triển kỹ năng mềm; và đẩy mạnh cầu nối giữa các trung tâm đào tạo và cộng đồng doanh nghiệp.

“Doanh nghiệp phải cạnh tranh ở cấp quốc gia và quốc tế, do đó lực lượng lao động cần phải có khả năng cạnh tranh được ở mức độ khu vực ASEAN, điều này đòi hỏi không chỉ cần kỹ năng chuyên môn mà còn cần kỹ năng mềm như tiếng Anh, kỹ năng sử dụng máy tính.

(Thảo luận nhóm ở thành phố Hồ Chí Minh)

Quá trình tham vấn cho thấy vai trò của khu vực tư nhân trong hoạt động hoạch định chính sách cần được đẩy mạnh và được công nhận nhiều hơn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Song song với quá trình đó là yêu cầu về sự tham gia của nhiều bên liên quan vào các nỗ lực thúc đẩy phát triển theo hướng bền vững.

Tham vấn cho thấy phụ nữ phải đối diện với nhiều thách thức do phải chịu sự phân biệt trong hoạt động đào tạo nghề và cơ hội thăng tiến. Phụ nữ mong muốn được thấy những mô hình kinh doanh mới dành cho tất cả mọi người, tăng cường sự tham gia của người lao động ở khu vực nông thôn, cung cấp dịch vụ cho người nghèo và người dân nông thôn, đặc biệt là dịch vụ đào tạo và giáo dục

Nhóm người nghèo nông thôn: Đây là một nhóm đông và đa dạng. Người được tham vấn là những người nông dân thiếu cơ hội việc làm phi nông nghiệp. Đây là lý do chính khiến cho họ không thể cải thiện tình hình, và ngoài lựa chọn nhập cư thành thị họ có ít lựa chọn việc làm khác. Tuy nhiên, đối với nhiều phụ nữ, việc lên thành phố tìm việc không phải là một lựa chọn vì họ còn có gia đình và con nhỏ ở quê.



Với nhiều người dân, rào cản mà họ gặp phải trong việc thoát nghèo ở nông thôn chính là ít được tiếp cận được với nguồn vốn và cơ hội việc làm. © UN Việt Nam\2013

Những người được tham vấn đều mong muốn hệ thống thu hồi đất công bằng và minh bạch, phương pháp giải quyết đền bù cho việc thu hồi đất cần thỏa đáng hơn.



Đối với người nghèo ở nông thôn nói chung, họ mong muốn cơ sở hạ tầng như đường, điện và trường học được cải thiện, kinh tế địa phương phát triển, tạo thêm nhiều việc làm. Cả nam giới và phụ nữ đều chia sẻ mối quan tâm về công việc và thu nhập ổn định, thiếu dịch vụ chăm sóc sức khỏe định kỳ, cơ sở vật chất nghèo nàn và thiếu những hỗ trợ giúp cải thiện kỹ thuật sản xuất nông nghiệp.

Đối với người nông dân nghèo, họ mong giá cả thị trường sẽ ổn định hơn và có thêm thông tin về thị trường để họ có thể bán sản phẩm với giá cao hơn. Việc thiếu vốn hoặc khó tiếp cận với nguồn vốn cũng là một trở ngại đối với người nông dân trong việc thoát nghèo.

Nông dân lo lắng về sự gia tăng của căn bệnh ung thư ở khu vực nông thôn gần đây do kết quả của việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp và ô nhiễm môi trường. Họ mong muốn được thấy những dịch vụ y tế ở cấp huyện và cấp xã được cải thiện để sớm phát hiện ra bệnh ung thư, đặc biệt là bệnh ung thư vú và ung thư cổ tử cung, mong muốn phụ nữ nghèo có thể được kiểm tra sức khỏe định kỳ với chi phí hợp lý.

“Làm cách nào để phụ nữ ở vùng sâu vùng xa như chúng tôi có thể tiếp cận các dịch vụ phát hiện ung thư vú và ung thư cổ tử cung ở giai đoạn sớm nhất?”

(Đại diện Hội phụ nữ xã Bồ Lý, tỉnh Vĩnh Phúc)

Nhóm người nghèo thành thị: Nhóm này chia sẻ rằng chính sự thiếu dịch vụ giáo dục là nguồn gốc của mọi vấn đề và đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục con cái. Nhóm này phải đối diện với nhiều rào cản khi muốn cho con đến trường học do không được đăng ký thường trú và do đó không có cơ hội tiếp cận các dịch vụ công ở khu vực tạm trú.

Chất lượng nhà ở và sự bất ổn về quyền sở hữu đất là một vấn đề lớn với người nghèo thành thị. Họ thường sống trong điều kiện tồi tàn, và thậm chí khi họ xây nhà thì nhà của họ cũng rất tạm bợ và không an toàn. Họ có thể bị di dời sang địa điểm khác chỉ một thời gian ngắn sau khi được thông báo mà không được đền bù thỏa đáng. Do đó, họ phải sống trong tình trạng bất ổn và không thể lên kế hoạch lâu dài.

“Giấc mơ duy nhất của tôi là có tiền để sửa nhà, bởi vì tất cả chúng tôi đều phải chịu đựng khi mưa to gió lớn ập đến. Mái nhà bị dột và dù có che tạm thì cả nhà đều bị ướt!”

(Một phụ nữ, quận Phúc Tân, Hà Nội)

Thiếu vốn là một trong những khó khăn lớn với người nghèo thành thị trong việc thoát nghèo. Họ thường vay nợ và chậm trả nợ, làm những công việc không an toàn, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng mà không được bảo vệ khi xảy ra tai nạn hay bị mất việc. Họ mong muốn có một môi trường làm việc an toàn hơn theo quy định của pháp luật. Họ cũng mong muốn nhận được nhiều hỗ trợ từ phía doanh nghiệp và các tổ chức xã hội để được đảm bảo quyền lợi.

“Tôi mong con gái tôi có công việc ổn định, con gái thứ hai sẽ được đào tạo và được vay vốn để mở cửa hàng làm tóc.”

(Một phụ nữ, Thanh Khê Tây, Đà Nẵng)



Người nghèo thành thị nhận ra rằng vì những thách thức nêu trên mà họ bị rơi vào vòng luẩn quẩn của đói nghèo và khó có thể thoát ra được. Do đó người nghèo thành thị có xu hướng thiếu tự tin và tự ti nhiều hơn, khiến vấn đề của họ càng trở nên trầm trọng hơn và việc thoát nghèo trở nên khó khăn hơn.

“Tôi chỉ biết sống cho ngày hôm nay và lo cho con tôi, có thể ngày mai tôi chết và thế là hết.”

(Một nam giới, Hòa Hiệp Bắc, Đà Nẵng)

Kết quả tham vấn còn cho thấy những vấn đề quan trọng về giới cần được giải quyết trong bối cảnh đô thị. Đó là tình trạng bạo lực gia đình, quấy rối tình dục nơi công sở, sự chia sẻ việc nhà và trách nhiệm chăm lo gia đình giữa hai giới không đồng đều.

Cần phải có chính sách và các chương trình an sinh xã hội cho những gia đình nghèo nhất, đặc biệt là các hộ đơn thân, dù chủ hộ là nữ hay nam. Những người có vợ hoặc chồng có sức khỏe yếu hoặc đã qua đời cho biết đối với họ thoát nghèo là vô cùng khó khăn vì họ thiếu người lao động để tạo ra thu nhập.

Đối với công nhân nhập cư thì thách thức đối với cả nam giới và phụ nữ lại là cuộc sống và điều kiện làm việc bấp bênh. Ví dụ, nhiều công nhân nữ phải làm việc quá sức, bị phân biệt đối xử, bị quấy rối tình dục và phải làm việc trong điều kiện không an toàn, thậm chí bị trả thiếu lương. Họ phải quay về quê để được điều trị mỗi khi bị ốm, bởi tình trạng cư trú của họ không cho phép họ tiếp cận dịch vụ xã hội tại nơi họ đang sống.

Nhóm thanh thiếu niên: Nhóm này đặc biệt quan tâm đến chất lượng giáo dục, công bằng đối với cơ hội tiếp cận việc làm, hệ thống y tế chất lượng cao, cơ hội tham gia hoạch định chính sách, bảo vệ trẻ em và thanh niên tốt hơn và môi trường trong sạch hơn. Xuyên suốt các nội dung là các mong đợi và yêu cầu về công bằng xã hội, bình đẳng giới, mọi người đều có quyền bình đẳng. Trong suốt quá trình tham vấn, thanh niên thường xuyên đề cập về công bằng xã hội, tầm quan trọng của việc cần phải loại bỏ tham nhũng.

Nhóm thanh niên lo lắng về tương lai của họ, về khả năng tìm được việc làm để đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho gia đình và bản thân. Họ nhấn mạnh tầm quan trọng của sự công bằng đối với cơ hội tiếp cận việc làm và nhận thấy chính phủ cần phải tạo thêm việc làm để đáp ứng số lượng sinh viên tốt nghiệp đang gia tăng. Nhóm nhấn mạnh thanh niên cần phải được giúp đỡ nhiều hơn để có thể tìm được việc làm tốt trong tương lai.

“Sau khi tốt nghiệp, làm ở đâu không phải là vấn đề quan trọng với tôi, mà quan trọng hơn là tìm được một công việc với mức lương tốt.”

(Sinh viên, nam, 24 tuổi, tỉnh Yên Bái)

Một nội dung quan trọng khác là thanh niên mong muốn tiếng nói và nguyện vọng của họ được lắng nghe và tôn trọng. Họ mong muốn có cơ hội để phát biểu quan điểm của mình trong quá trình hoạch định chính sách và tham gia giải quyết các vấn đề quan trọng ảnh hưởng đến cuộc sống của họ.



“Tôi mong muốn trẻ em dân tộc thiểu số và thanh niên sẽ có tiếng nói trong tương lai. Tôi mong chờ vào một tương lai mà chúng tôi không chỉ được thông báo mà còn được tham vấn đối với các vấn đề có liên quan đến chúng tôi.”

(Học sinh nam, 16 tuổi, Bắc Kạn)

Đối với giáo dục: nhóm thanh niên nhấn mạnh sự cần thiết phải có một hệ thống giáo dục tốt để giúp thanh niên chuẩn bị hành trang tốt cho tương lai, phải điều chỉnh giáo trình giảng dạy theo hướng phát triển những kỹ năng cần thiết trong cuộc sống vì giáo trình giảng dạy hiện nay đã quá cũ. Chẳng hạn, họ cho biết cần phải có truyền thông và thảo luận về tình dục an toàn. Kết quả tham vấn cho thấy thanh niên hiểu được các vấn đề do ma túy mang lại và mong muốn được giáo dục tốt hơn để tránh và được bảo vệ khỏi ma túy.

“Giống như các bạn sinh viên khác, vấn đề tôi quan tâm nhất là sức khỏe, bởi không có sức khỏe chúng ta không thể làm được gì. Theo như những gì tôi và bạn bè tôi biết về giáo dục giới tính và tình dục, cũng như các vấn đề sức khỏe khác, tôi cho rằng thế hệ trẻ Việt Nam còn thiếu các thông tin này. Do vậy tôi hy vọng trong tương lai chúng tôi sẽ nhận được sự giáo dục tốt hơn đối với vấn đề này để sống khỏe mạnh hơn và tiếp cận tốt hơn các dịch vụ y tế có chất lượng.”

(Học sinh, nam, 23 tuổi, Hà Nội)

Thanh niên quan tâm nhiều đến sự công bằng trong việc tiếp cận thông tin và dịch vụ chăm sóc sức khỏe đặc biệt là sức khỏe sinh sản và tình dục. Theo họ, chất lượng y tế còn chưa tốt; hiểu biết về vệ sinh và sức khỏe ở các vùng sâu vùng xa còn hạn chế; ở gia đình cha mẹ ngại nói về vấn đề sức khỏe sinh sản và tình dục với con cái, và ở trường học cũng vậy, giáo viên hiếm khi đề cập đến vấn đề này. Chương trình sách giáo khoa hiện nay không đưa giáo dục giới tính và các kỹ năng sống vào giảng dạy, trong khi thanh niên vẫn tiếp tục có những mối quan hệ tình dục không an toàn. Hiện nay, thanh thiếu niên cho biết nhiều người vẫn không hiểu đầy đủ về sức khỏe sinh sản và quyền sinh sản của thanh thiếu niên. Nhiều người lớn còn phê phán và chỉ trích thanh niên khi thanh niên có quan hệ tình dục, mang thai, nạo phá thai hoặc sinh em bé trước hôn nhân.

“Thanh niên tránh sử dụng các phương pháp tránh thai hoặc các phương pháp phòng chống các bệnh lây qua đường tình dục khi quan hệ tình dục. Họ không được trao cơ hội [...] để có thể hiểu và tôn trọng quyền tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục an toàn và thân thiện.”

(Nữ, 18 tuổi, Hà Nội)

Bạo lực học đường cũng là một nội dung nổi bật. Đây là áp lực nặng nề ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh. Vấn đề này được nhìn nhận như là một vấn đề phổ biến trên khắp các trường học hiện nay và đòi hỏi cần phải có nhiều hành động để chống lại tình trạng này.

“Tôi mong muốn một tương lai trong đó bạo lực học đường không còn tồn tại nữa. Tôi hy vọng bạn học của tôi và các học sinh khác sẽ đối xử với nhau thân thiện hơn.”

(Học sinh, nam, 14 tuổi, tỉnh Long An)



Quấy rối tình dục và bạo lực gia đình cũng là một vấn đề quan trọng cần giải quyết. Họ nhận thức được sự bất bình đẳng về giới và mong muốn có những hành động kịp thời để khắc phục điều này.

“Tôi tin rằng bình đẳng giới vẫn là vấn đề quan trọng mà Việt Nam cần phải giải quyết trong tương lai. Tôi hy vọng về một tương lai mà cả nam và nữ đều được đối xử công bằng trên mọi lĩnh vực từ gia đình đến xã hội.”

(Học sinh, nữ, 12 tuổi, Hà Nội)

Họ cũng thể hiện sự lo ngại đối với tác động của tình trạng bất bình đẳng ngày càng gia tăng trên toàn quốc, và đối với những người đang gặp hoàn cảnh khó khăn như người dân tộc thiểu số, người sống chung với HIV/AIDS và người khuyết tật.

“Tôi hy vọng trong tương lai trẻ em miễn nôi, người già cơ nhỡ và người nghèo sẽ có thêm quần áo để mặc, thêm thức ăn và được chăm sóc sức khỏe tốt hơn. Tôi hy vọng xã hội sẽ quan tâm nhiều hơn đến những người có hoàn cảnh khó khăn.”

(Học sinh, nữ, 16 tuổi, Hà Nội)

Nhìn chung, thanh niên nhận thức được những thách thức của xã hội đối với hiện tượng biến đổi khí hậu và phá hoại môi trường đang gia tăng cũng như sự cần thiết cần phải giải quyết vấn đề này dưới ảnh hưởng của sự gia tăng dân số.

“Tôi cảm thấy lo lắng vì nhiều hành động phá hoại Tự Nhiên và môi trường sống. Phá rừng và sử dụng quá mức tài nguyên khiến cho đất bị xói mòn, lũ lụt và thiên tai xảy ra thường xuyên. Tôi hy vọng trong tương lai chúng ta sẽ cùng chung sức bảo vệ môi trường, cùng trồng cây, cắt giảm tiêu thụ năng lượng và giảm thiểu tối đa việc xả rác.”

(Học sinh, nữ, 14 tuổi, Long An)



4.2 Thách thức và khát vọng chung của các nhóm mục tiêu

Dưới đây là những thách thức và khát vọng chung của tám nhóm mục tiêu.

Một xã hội công bằng hơn: Bất bình đẳng là một nội dung phổ biến trong các cuộc thảo luận của tất cả các nhóm mục tiêu. Nhiều người thể hiện khát vọng được thấy một tương lai với số người nghèo giảm; khoảng cách giữa người nghèo và người giàu, giữa khu vực nông thôn và thành thị được thu hẹp; sự công bằng khi tiếp cận các dịch vụ xã hội; và không có bất bình đẳng giới ở nơi công cộng cũng như trong gia đình. Người dân cho biết chưa có sự công bằng trong việc đóng góp ý kiến cho quá trình hoạch định chính sách. Các nhóm đều nhận thức sâu sắc về hậu quả của sự bất bình đẳng bởi hầu hết họ là thành viên của cộng đồng yếu thế như người dân tộc ít người, người có HIV/AIDS, người khuyết tật, người nghèo thành thị.

“Tôi muốn một thế giới tươi sáng hơn hiện tại. Điều đó có nghĩa là một thế giới không có đói nghèo, không tồn tại ranh giới giàu nghèo và môi trường không bị ô nhiễm. Mọi người có nước sạch và những người sống ở khu vực miền núi nhận được nhiều sự đầu tư hơn.”

(Học sinh nữ, 20 tuổi, Hà Nội)

Công việc tốt và thu nhập ổn định: Dù là nam hay nữ thì thách thức lớn nhất đối với mọi người đều là thiếu thu nhập. Do đó, những người được tham vấn đều khát khao có một công việc tốt và ổn định, được trả lương cao, an toàn và dài hạn. Đối với người dân, có một công việc ổn định, gần nhà, với mức thu nhập tốt là yếu tố then chốt để họ cảm thấy tự tin hơn khi tham gia các hoạt động xã hội.



Một công việc ổn định gần nhà, với mức thu nhập đủ sống được nhiều người dân xác định là yếu tố then chốt cho một tương lai ổn định và an toàn. © UN Việt Nam\2013\Aiden Dockery

Chất lượng giáo dục và đào tạo dạy nghề phù hợp: Hệ thống giáo dục chưa phù hợp, chất lượng giảng dạy kém, cơ sở vật chất trường lớp nghèo nàn, gian lận trong thi cử và bạo lực học đường còn phổ biến. Giáo trình giảng dạy đã cũ và không còn phù hợp với thực tế cuộc sống và không giúp sinh viên có được việc làm sau khi tốt nghiệp. Giáo trình này được đánh giá là cũng không còn phù hợp cho việc giáo dục đào tạo các dân tộc ít người.



Hệ thống đào tạo nghề cũng là một vấn đề đáng lo ngại. Các trung tâm dạy nghề lỗi thời và không đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và nền công nghiệp hiện đại. Do đó hậu quả là sinh viên tốt nghiệp vẫn không tìm được việc làm. Giáo dục kỹ năng sống và giáo dục giới tính chưa đầy đủ. Giáo dục và đào tạo nghề cần phải bám sát nhu cầu của doanh nghiệp và ngành công nghiệp để đảm bảo hoạt động đào tạo nghề phù hợp và đáp ứng được nhu cầu thực tế.

“Doanh nghiệp nên tới các trường đại học và cộng tác với trường để soạn một bộ tài liệu giảng dạy phù hợp, phỏng vấn và tuyển dụng sinh viên.”

(Sinh viên, nam, 20 tuổi, tỉnh Phú Thọ)

Tiếp cận với các trung tâm đào tạo nghề cũng là một thử thách với nhiều nhóm như nhóm dân tộc ít người, nhóm người khuyết tật và nhóm người nghèo thành thị. Họ gặp khó khăn khi đăng ký học nghề tại các trung tâm. Đối với tất cả các nhóm được tham vấn, giáo dục là chìa khóa để cải thiện tương lai gia đình. Mọi người trên toàn cầu đều khát khao có được một nền giáo dục tốt cho con em họ.

Dịch vụ y tế chất lượng cao với chi phí phù hợp cho mọi người: Dịch vụ y tế, bao gồm dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục với chất lượng cao được coi là yêu cầu tối quan trọng. Những người được tham vấn cho biết họ mong ước có một hệ thống chăm sóc sức khỏe đáp ứng được nhu cầu của tất cả nhóm dân cư, có chất lượng tốt để họ yên tâm điều trị. Họ muốn hệ thống chăm sóc sức khỏe công bằng trong việc cung cấp dịch vụ cho mọi người mà không phân biệt họ là ai, sống ở đâu, làm gì và thu nhập thế nào. Viện phí là nỗi lo lắng lớn nhất đối với người cao tuổi, trong khi đối với những người bị phân biệt đối xử như nhóm có HIV/AIDS và người khuyết tật thì vấn đề công bằng trong điều trị lại là vấn đề quan trọng nhất.

“Các nhà hoạch định chính sách cần phải có nhiều giải pháp cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng tốt hơn cho cộng đồng dân tộc ít người và những nhóm yếu thế nhất. Tôi hy vọng về một tương lai mà ở đó cộng đồng dân tộc ít người cũng có cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế ngang bằng như những dân tộc chiếm đa số trong cả nước.”

(Học sinh, nữ, 15 tuổi, tỉnh Bắc Cạn)

Hệ thống an sinh xã hội toàn diện và hiệu quả: Có một mối lo ngại chung về tính dễ bị tổn thương do những cú sốc và rủi ro gia tăng. Một phần bắt nguồn từ nhận thức rằng Việt Nam đang chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, việc làm không được bảo đảm và các dịch vụ xã hội phụ thuộc vào mức chi trả của người tiêu dùng. Điều này phản ánh nhận thức của mọi người về sự thiếu vắng một hệ thống an sinh bảo vệ họ từ khi lọt lòng đến khi chết, mà họ đã từng được hưởng trong quá khứ. Do vậy, họ mong muốn có một hệ thống an sinh xã hội toàn diện cho mọi người để giúp họ tránh được những cú sốc kinh tế và sự thay đổi trong các giai đoạn của vòng đời như những thời kỳ thất nghiệp, trong quá trình mang thai và khi về già. Hệ quả của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nguyên nhân của sự suy giảm kinh tế của Việt Nam đã ảnh hưởng đến nhiều người, cả nam và nữ được tham vấn, bao gồm những công nhân làm việc trong khu vực phi chính thức ở thành thị. Rủi ro của biến đổi khí hậu và thiên tai đã ảnh hưởng đặc biệt đến người nông dân và người dân tộc thiểu số.





Nhiều người được tham vấn mong muốn một hệ thống an sinh xã hội có thể bảo vệ người dân trước các cú sốc về kinh tế và những giai đoạn khó khăn như: thất nghiệp, thai sản và về hưu. © UN Việt Nam\2013\Aiden Dockery

Dịch vụ công đáp ứng nhu cầu của người dân và củng cố văn hóa dịch vụ công: Rất nhiều người ước mong về một dịch vụ công đáp ứng được nhu cầu của mọi người, cũng như văn hóa dịch vụ công tốt hơn. Đặc biệt là trường hợp của nhiều nhóm dân tộc ít người, khi họ phải tiếp xúc với những giáo viên và nhân viên y tế thiếu hiểu biết về phong tục và văn hóa của họ và cũng không nói tiếng dân tộc. Rõ ràng phụ nữ phải chịu tác động nhiều hơn từ những dịch vụ công nghèo nàn và thiếu thốn này vì gánh nặng công việc gia đình đổ lên vai họ với nhiều mức độ khác nhau. Đối với dịch vụ y tế cho người cao tuổi, những tâm sự dưới đây đã phản ánh phần nào thực tế của tình trạng thiếu thông tin từ những người cung cấp dịch vụ:

“Chúng tôi có thuốc nhưng chúng tôi không biết đó là loại nào và được dùng để chữa bệnh gì. Chúng tôi cũng không biết thuốc đó tốt hay không. Họ yêu cầu chúng tôi trả bao nhiêu thì chúng tôi trả bấy nhiêu.”

(Thảo luận nhóm với người cao tuổi tỉnh Hưng Yên)

“Chúng tôi không kiểm tra sức khỏe định kỳ thường xuyên. Họ cho chúng tôi thuốc mà không giải thích rõ ràng.”

(Thảo luận nhóm với người cao tuổi tỉnh Hưng Yên)

Điều trị kém chất lượng làm gia tăng mức độ tổn thương và mức độ này nhiều hay ít tùy thuộc vào mức độ phụ thuộc của họ vào hệ thống này. Do vậy, người dân cảm nhận rõ ràng về sự thiếu hụt thông tin và điều trị kém chất lượng. Các nhóm đều bộc lộ mong muốn được thấy văn hóa cung ứng dịch vụ công bớt quan liêu hơn, hiệu quả hơn và đáp ứng được nhu cầu của người dân hơn.

Giải quyết vấn đề tham nhũng và tăng tính minh bạch: các nhóm mục tiêu đều nhận thấy tham nhũng và sự thiếu minh bạch là thách thức vô cùng to lớn đối với cuộc sống của họ. Tham nhũng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận các dịch vụ công do làm tăng chi phí đối với những dịch vụ thiết yếu này. Sự phổ biến của tình trạng tham nhũng có thể được thấy rõ từ những ý kiến tham vấn tiêu biểu như sau:

“Rất khó để xóa bỏ nạn hối lộ vì nó phổ biến từ cấp trung ương. Tôi nghĩ sau 2015, chất lượng y tế có thể được cải thiện nhưng nạn hối lộ thì sẽ chẳng khác được.”

(Phụ nữ, 70 tuổi, tỉnh Hưng Yên)



“Hỏi lộ cho bác sỹ là việc hiển nhiên mà chẳng cần phải giải thích”.

(Nam giới, 73 tuổi, Hội người cao tuổi Phố Huế, Hà Nội)

“Thiếu phong bì [tiền] cho nhân viên y tế sẽ bạn sẽ đợi dài cổ để được khám và tư vấn. Bác sỹ không phải là “Lương y như từ mẫu”², họ chỉ đợi để ăn tiền”.

(Nhóm thảo luận tập trung với người cao tuổi ở Hà Nội)

“Có một số người tốt, một số người khác thì không. Nhưng nhìn chung, nếu dứt lốt bệnh nhân được chăm sóc tốt hơn, nếu không thì họ chỉ được chăm sóc hời hợt”.

(Nhóm thảo luận tập trung với người cao tuổi ở Hà Nội)

“Bộ trưởng hiện tại từng phát biểu cần chống lại nạn phong bì nhưng trong thực tế, mọi người đều đưa phong bì. Thực tế là không có phong bì thì không có dịch vụ tốt”.

(Nhóm thảo luận tập trung với người cao tuổi ở Hà Nội)

Tăng cường tiếng nói của người dân trong quá trình hoạch định chính sách: Người dân thiếu tiếng nói trong quá trình hoạch định chính sách là một nội dung chính trong quá trình tham vấn. Các nhóm nhấn mạnh cảm giác bất lực khi không thể tham gia đóng góp cho các quyết định quan trọng ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Do đó nhiều người nhấn mạnh họ mong muốn được tôn trọng và có nhiều cơ hội trình bày ý kiến và trở thành một phần của quá trình ra quyết định và hoạch định chính sách.



Cả nam và nữ được tham vấn đều nhấn mạnh vào yêu cầu được tham gia vào quá trình hoạch định chính sách và ra quyết định. © UN Việt Nam\2013

Giải quyết vấn đề kỳ thị và phân biệt đối xử: Đây là chủ đề xuyên suốt quá trình tham vấn mà hàng ngày nhiều người phải đối mặt. Sự kỳ thị này không chỉ xuất hiện ở các cơ quan tổ chức, từ các cán bộ đến các nhân viên ở cơ quan công quyền, mà thậm chí ở cả phạm vi gia đình. Nhận thức của công chúng, hình ảnh và biểu trưng sai trên các phương tiện truyền thông đại chúng về một số nhóm người trong xã hội khiến họ bị xa lánh và làm họ trở nên tự ti hơn. Mong muốn chung của nhóm là được xã hội tôn trọng và công nhận khả năng đóng góp cho xã hội của họ.

² Theo một thành ngữ Việt Nam: “Lương y như từ mẫu”

Một môi trường trong sạch hơn: Chủ đề về môi trường là một chủ đề quan trọng xuyên suốt quá trình tham vấn. Người dân nông thôn và nông dân đã nêu lên tác hại của việc phá hoại môi trường tự nhiên đã ảnh hưởng đến môi trường sống và sinh kế của người dân. Người dân thành thị lại lo lắng về mức độ ô nhiễm và quá trình đô thị hóa đang tăng nhanh ở các thành phố. Thanh thiếu niên là nhóm nhận thức rõ nhất hiểm họa của biến đổi khí hậu đối với Việt Nam. Khối tư nhân mong muốn có được những chính sách tốt hơn để khuyến khích các sáng kiến kỹ thuật thúc đẩy việc sử dụng tài nguyên và năng lượng hiệu quả, có nhiều các hoạt động tăng nhận thức của người dân để thay đổi thái độ và hành vi hướng tới việc sản xuất và tiêu thụ bền vững hơn.

“Trong thế giới mới, mọi người ở các tầng lớp xã hội sẽ có cách suy nghĩ mới theo hướng phát triển bền vững hơn. Giáo dục sẽ đem lại những kiến thức thực tế và nền tảng vững chắc. Chính phủ sẽ có một chiến lược phát triển bền vững và chúng ta sẽ có môi trường trong sạch hơn.”

(Sinh viên, nam, 24 tuổi, Hà Nội)



5. Thông điệp chính cho tương lai sau năm 2015 ở Việt Nam

Đây là chương cuối của báo cáo, tổng hợp những thông điệp chính từ quá trình tham vấn ở Việt Nam về một tương lai sau năm 2015. Báo cáo dựa trên những chia sẻ và thông tin tham vấn các nhóm mục tiêu cũng như từ tổng hợp các nghiên cứu, rà soát tài liệu liên quan đến thách thức phát triển đối với Việt Nam trong hiện tại và tương lai. Theo LHQ Việt Nam, có tám thông điệp chính Việt Nam cần ưu tiên giải quyết cho giai đoạn sau năm 2015, và đây cũng là những vấn đề cần được xem xét trong bất cứ lộ trình phát triển toàn cầu mới nào, nếu muốn lộ trình này cũng phù hợp với Việt Nam.

5.1 Bình đẳng, bao gồm bình đẳng giới

Vấn đề bình đẳng là vấn đề nổi bật được đưa ra trong suốt quá trình tham vấn cùng với các nhóm mục tiêu và xuyên suốt tất cả những chủ đề khác. Giải quyết bất bình đẳng còn tồn tại có lẽ là thách thức lớn nhất đối với tương lai của Việt Nam sau 2015. Bất bình đẳng còn tồn tại trên nhiều phương diện. Mô hình tăng trưởng của Việt Nam trong hai thập kỷ qua chưa đồng đều. Tăng trưởng kinh tế tập trung ở khu vực đồng bằng sông Hồng và khu vực phía Nam xung quanh thành phố Hồ Chí Minh, cùng một số khu vực thành thị khác như thành phố Hải Phòng và Đà Nẵng. Trong khi đó, điều kiện cơ sở vật chất, thông tin liên lạc ở khu vực nông thôn và ở vùng núi phía Bắc, cao nguyên và khu vực sông Cửu Long lại rất nghèo nàn, dịch vụ công cũng chỉ ở mức cơ bản nhất. Vì vậy người dân ở các khu vực này có chất lượng sống và phát triển con người thấp hơn.



Bình đẳng hoặc bất bình đẳng được người dân thuộc tám nhóm mục tiêu đề cập, đặc biệt là bất bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội. © UN Việt Nam\2013

Bất bình đẳng tồn tại rõ rệt ngay cả trong cùng một nhóm dân cư ở nông thôn: nhóm dân tộc ít người nghèo hơn rất nhiều, họ không được hưởng giáo dục, ốm yếu hơn và tiếp cận các dịch vụ xã hội cũng kém hơn so với nhóm dân tộc Kinh.

Bất bình đẳng dẫn đến kỳ thị và phân biệt đối xử khiến một số người bị đẩy ra lề xã hội. Tham vấn cho thấy đây là tình trạng của nhiều nhóm mục tiêu như: nhóm dân tộc ít người, người có HIV/AIDS, người khuyết tật và nhóm dân nhập cư nghèo thành thị. Những người này cho biết họ bị phân biệt đối xử bởi các viên chức nhà nước và phản ánh có sự bất công đáng kể trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội.



Để giải quyết vấn đề bất bình đẳng ở Việt Nam, cần phải thúc đẩy sự bình đẳng trong cơ hội, quyền lợi và trách nhiệm giữa nam giới và phụ nữ. Việt Nam có số liệu thống kê tương đối tốt về bình đẳng giới nói chung nhưng hiện tại vẫn còn ít phụ nữ đảm nhiệm vai trò lãnh đạo ở khu vực công, khu vực tư và các vị trí chính trị. Trình độ học vấn ngày càng cao của phụ nữ vẫn chưa giúp họ đạt được sự bình đẳng trong thị trường lao động vì những công việc họ đảm nhiệm đều dễ bị tổn thương hơn nam giới, và họ cũng ít có khả năng làm cùng một công việc như nam giới. Đối với việc nhà, cũng không có sự chia sẻ bình đẳng về trách nhiệm giữa nam và nữ, và điều này tiếp tục tạo một gánh nặng đối với phụ nữ trong việc phải cân bằng giữa gia đình và công việc.

Phụ nữ Việt Nam đang đấu tranh chống lại quan niệm tồn tại từ lâu đời rằng phụ nữ sống lệ thuộc vào nam giới, không có quyền quyết định trong gia đình, những nhu cầu của trẻ em gái (đặc biệt là đối với giáo dục và y tế) thường không được coi là quan trọng như đối với trẻ em nam. Ở Việt Nam có xu hướng thích con trai hơn con gái, và điều này có thể thấy rõ thông qua sự mất cân bằng giới tính khi sinh. Các cuộc điều tra dân số mới đây cho thấy tỷ lệ sinh con trai vượt quá so với tỷ lệ sinh con gái. Không chỉ vậy, phụ nữ cũng vẫn tiếp tục không được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mặc dù đã được quy định. Mức độ bạo lực gia đình rất cao đòi hỏi Việt Nam cần phải có hành động khẩn cấp, không chỉ bằng luật pháp và chính sách, mà còn phải thay đổi thái độ của nam giới. Nam giới cần phải chủ động ngăn chặn tình trạng bạo lực giới.

Để đạt được thành công về quyền phụ nữ cần phải loại bỏ bất bình đẳng giới và phân biệt đối xử cũng như thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ. Sự bình đẳng lớn hơn trong giáo dục và việc làm sẽ đem lại đóng góp lớn cho sự tăng trưởng kinh tế và con người, và vai trò lãnh đạo của phụ nữ sẽ giúp quản trị quốc gia trở nên minh bạch, dân chủ và dành cho tất cả mọi người. Cần phải có sự thay đổi về mặt thể chế và đầu tư cụ thể để giải quyết mọi hình thức bất bình đẳng.

5.2 Tính dễ bị tổn thương và hòa nhập xã hội

Cùng với sự gia tăng bất bình đẳng, người dân Việt Nam, đặc biệt là các nhóm yếu thế và người nghèo, phải đối diện với nhiều loại rủi ro và cú sốc. Có nhiều dạng thức tổn thương. Đó có thể là sự thay đổi của xã hội và đời sống gia đình, ví dụ như đối với nhóm người cao tuổi và nhóm người khuyết tật thì sự thay đổi việc làm sẽ ảnh hưởng đến quan hệ gia đình cũng như thời gian chăm sóc gia đình. Sự chuyển dịch sang nền kinh tế thị trường khiến cho giá cả nguyên liệu đầu vào và đầu ra đối với nông nghiệp liên tục thay đổi cũng là một dạng thức của rủi ro. Suy thoái kinh tế toàn cầu gây tổn thương tới dân nghèo nhập cư thành thị và công nhân ở khu vực phi chính thức do việc làm và an sinh xã hội trở nên mất ổn định. Lạm phát tăng dẫn đến tăng giá cả tiêu dùng tăng làm tổn thương dân nghèo ở thành thị và nông thôn. Bên cạnh đó, thời tiết liên tục thay đổi và trở nên khắc nghiệt gây ảnh hưởng đặc biệt tới nhóm người nghèo ở nông thôn do họ sinh sống trong những khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, hạn hán, lở đất và thiên tai. Nhóm người này thường thiếu tài sản và chỗ ở an toàn để cầm cự trước những hiện tượng khắc nghiệt.





Nhiều người lo lắng về tình trạng dễ bị tổn thương ngày càng gia tăng, ví dụ người nghèo nông thôn thường chịu thiệt hại to lớn do thiên tai. © Trương Việt Hùng\2010

Tham vấn được thực hiện với các nhóm yếu thế của xã hội. Chủ đề về một xã hội dành cho tất cả mọi người được hầu hết các nhóm nhấn mạnh: nhóm dân tộc ít người, người cao tuổi (đặc biệt là người cao tuổi nghèo khó), người có HIV/AIDS, người khuyết tật, người nghèo nông thôn, người nghèo thành thị và người nghèo nhập cư. Họ bị phân biệt đối xử bởi cán bộ công quyền trong các cơ quan dịch vụ công và bị ngăn cách hòa nhập với xã hội. Bị cô lập trong xã hội và trong cuộc sống hàng ngày trên phương diện xã hội và kinh tế, họ bị mắc kẹt trong vòng quay của sự phân biệt và túng thiếu. Vấn đề này chỉ có thể được giải quyết bằng cách tăng cường sự tham gia của mọi người dân, như đã được nhấn mạnh trong suốt quá trình tham vấn, trong hội thảo cấp quốc gia tháng 3 năm 2013 và trong các tài liệu nghiên cứu. Tăng cường sự tham gia của người dân đã trở thành thông điệp mạnh mẽ cho kỷ nguyên sau năm 2015. Đây là yếu tố then chốt để đảm bảo cho viễn cảnh kinh tế năng động và ổn định của Việt Nam trong tương lai.

5.3 Quản trị và sự tham gia

Như chúng ta đã thấy, cải thiện chất lượng quản trị và tăng cường sự tham gia trong quá trình hoạch định chính sách là vấn đề cần ưu tiên trước nhất cho giai đoạn sau 2015 tại Việt Nam. Đây cũng là nội dung quan trọng đối với thách thức phát triển của Việt Nam.

Để cải thiện chất lượng quản trị, cần thiết phải cải cách thể chế công và cải cách thủ tục hành chính. Cần thiết phải có một thể chế vững mạnh để đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, khuyến khích cơ chế hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng. Giải quyết vấn đề tham nhũng trong bộ máy công nhân viên nhà nước cũng là một vấn đề hết sức quan trọng. Tham nhũng là một rào cản lớn cho phát triển kinh tế vì nó dẫn đến sự lạm dụng những nguồn lực khan hiếm trong xã hội và làm xói mòn niềm tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tham nhũng cũng tác động lớn tới toàn thể cộng đồng, khiến người dân phải dùng tiền túi của mình hối lộ chỉ để nhận được những dịch vụ mà lẽ ra họ có quyền được hưởng. Đây chỉ là loại tham nhũng vặt, bên cạnh những tham nhũng quy mô lớn liên quan tới việc lũng đoạn ngân sách nhà nước và lạm dụng địa vị. Loại tham nhũng này gây xói mòn niềm tin của dân chúng vào chính quyền và đe dọa tới sự ổn định của Nhà nước. Nó cũng làm tổn hại niềm tin và sự cố gắng của nhân dân vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển.



*Tham nhũng là một trong những rào cản lớn đối với sự phát triển kinh tế và đe dọa sự ổn định xã hội.
© Trương Việt Hùng\2013*

Tăng cường sự tham gia của người dân và cho phép tự do ngôn luận có ý nghĩa quan trọng vì nền dân chủ ở Việt Nam phụ thuộc nhiều vào mối quan hệ giữa nhân dân và Đảng Cộng sản. Việc thúc đẩy phụ nữ tham gia các vị trí quản lý và lãnh đạo có ý nghĩa quan trọng nhằm giảm dần bất bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị và xã hội. Việc tăng cường các cơ chế khuyến khích toàn thể người dân tham gia tích cực vào xã hội và quá trình ra các quyết định, những quyết định được thực hiện mang tính đại diện, sẽ tăng cường mối quan hệ giữa Nhà nước và người dân, và vì vậy sẽ cải thiện và tăng cường chất lượng quản trị công. Tạo điều kiện cho người dân được tự do bày tỏ chính kiến ở nơi công cộng, trên báo in hay mạng xã hội cũng rất quan trọng để đảm bảo xã hội lành mạnh và dân chủ. Truyền thông xã hội và internet tại Việt Nam đang ngày một phổ biến hơn, đặc biệt là với những người trẻ tuổi, và cần xem đây như một cơ hội tăng cường chất lượng điều hành quản trị hơn một mối đe dọa.

Một khía cạnh quan trọng của tăng cường quản trị công là việc thúc đẩy các khái niệm về một xã hội hài hòa và dành cho tất cả mọi người. Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể trong vòng 25 năm qua trong việc cải thiện các điều kiện vật chất của xã hội và nâng cao thu nhập bình quân. Kết quả là Việt Nam trở nên thịnh vượng và đa dạng hơn, và xã hội dân sự ngày càng phát triển. Những xu hướng này sẽ tiếp diễn, đặc biệt là khi Việt Nam tiếp tục hội nhập khu vực và thế giới. Do đó, cần xây dựng một xã hội dành cho tất cả mọi người, công nhận, tôn trọng và khuyến khích tính đa dạng ở mọi hình thức. Phụ nữ cũng như nam giới, dân tộc ít người, người đồng tính nam, đồng tính nữ, song giới, và chuyển giới, người khuyết tật, người di cư nông thôn, tất cả đều đóng góp cho xã hội và cần cảm thấy có giá trị. Đây cũng là thông điệp mạnh mẽ từ nhiều hoạt động tham vấn. Quan niệm về một xã hội dành cho tất cả mọi người với trọng tâm là niềm tin vào tầm quan trọng của văn hóa và đa dạng văn hóa là động lực chính cho sự phát triển trong tương lai. Do đó, việc bảo vệ và khuyến khích đa dạng văn hóa là nền tảng cho tất cả những nỗ lực trong tương lai để có được một Việt Nam hài hòa giữa kinh tế và xã hội, phát triển bền vững trong thời kỳ sau năm 2015.

5.4 Thay đổi nhân khẩu học của Việt Nam

Việt Nam đang trải qua thời kỳ chuyển dịch nhân khẩu học nhanh chóng, kết quả của ba xu hướng rõ rệt: mức sinh (số con một người phụ nữ sinh ra) giảm dưới mức sinh thay thế; tỷ lệ tử vong giảm; và tuổi thọ tăng. Kết quả là, Việt Nam đang ở trong một giai đoạn có một không hai, có đồng thời “dân số vàng” với số lượng người trẻ tuổi rất lớn, và “già hoá dân số” nhanh với số lượng người cao tuổi cũng tăng lên.





Sự thay đổi về nhân khẩu học ở Việt Nam đang diễn ra nhanh chóng với ngày càng nhiều thanh niên và người cao tuổi © UN Việt Nam\2013\Aiden Dockery

Giai đoạn phát triển dân số này tạo ra cả cơ hội cũng như thách thức cho thanh niên và người cao tuổi. Việt Nam cần tận dụng tiềm năng của lực lượng dân số đông đảo trong độ tuổi lao động bằng cách tạo công ăn việc làm ổn định và phù hợp cho thanh niên để tăng đóng góp cho ngân sách Nhà nước, cung cấp hệ thống giáo dục, y tế có chất lượng và môi trường sống bảo đảm. Đây chính là mong muốn của thanh thiếu niên trong các cuộc tham vấn.

Đồng thời, chính phủ cần chú cấp đầy đủ cho những người cao tuổi không còn khả năng làm việc thông qua xây dựng hệ thống an sinh xã hội hiệu quả và toàn diện, các dịch vụ công có chất lượng và chế độ lương hưu giúp người cao tuổi có được cuộc sống ổn định. Một thay đổi nữa trong xã hội Việt Nam là ngày càng có ít người cao tuổi sống chung với con cái trong mô hình gia đình nhiều thế hệ. Do vậy, trách nhiệm chăm sóc những người cao tuổi sẽ phải chuyển dần sang cho Nhà nước, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, nơi phần lớn người cao tuổi hiện đang sinh sống.

Một khía cạnh nữa của sự chuyển dịch dân số của Việt Nam là đô thị hóa và di cư đang diễn ra nhanh. Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009 cho thấy phần lớn dân di cư còn trẻ và nữ di cư ngày càng tăng lên. Họ đến các khu vực thành thị chủ yếu để làm kinh tế. Số lượng lớn người nhập cư tới các thành phố lớn của Việt Nam đã tạo sức ép lên cơ sở hạ tầng và các dịch vụ xã hội. Mặc dù họ giữ vai trò quan trọng trong khu vực công nghiệp và dịch vụ nhưng thường phải sống trong điều kiện sống nghèo nàn, không được công nhận chính thức, không được bảo vệ tại nơi làm việc và gặp khó khăn để tiếp cận các dịch vụ công. Hiện tượng di cư từ nông thôn đến thành thị còn khiến cho mô hình gia đình bị thay đổi, gia đình khuyết thế hệ, trong đó những người trẻ đi lao động, để lại người cao tuổi ở nhà chăm nom con trẻ. Điều này đã tạo nên một gánh nặng lớn cho người cao tuổi, đặc biệt là phụ nữ. Thông điệp cho giai đoạn sau năm 2015 là mục tiêu phát triển cần phải giải quyết được các vấn đề nảy sinh từ quá trình chuyển dịch nhân khẩu của Việt Nam.

5.5 Đảm bảo sự tiếp cận tổng thể dịch vụ y tế chất lượng tốt

Có nguồn nhân lực và dân số khỏe mạnh, được đào tạo tốt là yếu tố tiên quyết cho Việt Nam cải thiện vấn đề phát triển con người. Tiếp cận phổ cập dịch vụ giáo dục tốt và y tế bao gồm chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục với chi phí hợp lý là mong muốn chung của nam, nữ, thanh thiếu niên và trẻ em được tham vấn. Tuy nhiên, trên thực tế Việt Nam chưa đạt được mục tiêu này với khoảng cách khác biệt rõ rệt giữa các nhóm dân cư và giữa các vùng miền trong tiếp cận tới các dịch vụ xã hội thiết yếu.

Tiếp cận tới y tế và giáo dục tại Việt Nam được mở rộng và công bằng hơn tương đối so với các quốc gia có thu nhập bình quân đầu người tương đương. Đây là di sản quá khứ của thời kỳ kinh tế kế hoạch tập trung khi có quyết tâm chính trị để đạt được sự công bằng và phổ cập các dịch vụ xã hội toàn diện. Tuy vậy, với sự chuyển dịch sang cơ chế thị trường thì những cam kết này bị mất dần và cơ chế cũ được thay thế bởi sự chia sẻ trách nhiệm các dịch vụ công cộng dẫn tới việc người dân trả tiền để được hưởng các dịch vụ này. Những dịch vụ này thường đòi hỏi các khoản chi thêm cho bác sỹ và quản lý. Hệ quả của những thay đổi này dẫn đến cách biệt ngày càng lớn giữa các đối tượng trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội và trong thành quả phát triển con người: người nghèo hơn không được chăm sóc y tế tốt bằng người giàu, họ ít được giáo dục hơn và phải dành một phần lớn thu nhập gia đình cho các dịch vụ y tế. Bất bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội thể hiện rõ nhất giữa nông thôn và thành thị, và giữa người Kinh với những nhóm dân tộc ít người.



Do cơ hội tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế chất lượng tốt trên cả nước không đồng đều nên nhiều người nghèo ốm yếu hơn và dành nhiều thu nhập để chi trả cho các chi phí y tế. © UN Việt Nam\2013\Aiden Dockery

Bên cạnh đó, nhiều người có đủ khả năng chi trả đã không chọn hệ thống dịch vụ công mà trả tiền để được các bác sỹ chữa trị riêng. Tuy nhiên đây là những lựa chọn nằm ngoài tầm với của người nghèo. Điều này dẫn tới việc hình thành một hệ thống y tế hai cấp, làm tăng tính không công bằng và không bền vững. Do vậy, việc cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cho tất cả cần phải được ưu tiên đầu tư trong tương lai.

Liên quan trực tiếp tới việc cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng là yêu cầu cần phải xây dựng một hệ thống an sinh xã hội toàn diện ở Việt Nam. Điều này có nghĩa là cần có bảo trợ xã hội cho người cao tuổi, người lao động và các hộ gia đình trong khi họ không thể tự nuôi sống bản thân mình hay không thể tham gia vào nền kinh tế. Những thời kỳ quan trọng bao gồm: giai đoạn mang thai, khi có con nhỏ, lúc ốm đau bệnh tật hoặc thất nghiệp tạm thời, hay trong suốt kỳ

hưu trí. Việc cung cấp mạng lưới an sinh và các dịch vụ xã hội tốt thông qua bảo trợ xã hội là nền tảng cho một xã hội kinh tế hiện đại mà Việt Nam cần theo đuổi và cũng là mong đợi của người dân qua các buổi tham vấn. Việt Nam đang triển khai nhiều khía cạnh của chương trình an sinh xã hội này nhưng cách thực hiện thiếu tính liên kết. Trong tương lai cần có những cách tiếp cận đồng bộ, tích hợp và mang tính hệ thống, mà tập trung trước hết vào những đối tượng dễ bị tổn thương trước rủi ro và hiện đang nằm ngoài các cơ chế bảo vệ, ví dụ: lao động ở khu vực phi chính thức, người nghèo thành thị và nông thôn, và người có HIV/AIDS.

5.6 Việc làm có chất lượng và mô hình tăng trưởng mới

Mong muốn có việc làm ổn định, lâu dài, mức lương cao đủ để người lao động có thể có một cuộc sống đầy đủ, công bằng giữa nam và nữ là mong muốn chung của các nhóm mục tiêu. Việc làm cần đảm bảo tương lai của người lao động thông qua bảo hiểm y tế, bảo vệ trong trường hợp tai nạn hoặc chấn thương và có quỹ lương hưu.

Tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần để đáp ứng các mong muốn này. Tuy nhiên, hạn chế của mô hình phát triển kinh tế hiện nay của Việt Nam ngày càng trở nên rõ ràng. Tăng trưởng của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào nguồn nhân công giá rẻ và dây chuyền sản xuất kỹ thuật thấp và phân bố không đồng đều giữa các vùng và các nhóm dân cư. Một bộ phận dân cư như nông dân, dân tộc ít người không có khả năng tham gia vào nền kinh tế, nên phải tiếp tục sử dụng các hình thức sản xuất nông nghiệp hiệu suất thấp. Họ không có cơ hội thoát nghèo trong mô hình phát triển hiện tại. Do đó, cải thiện chất lượng việc làm phải gắn liền với xây dựng một mô hình phát triển mới cho Việt Nam.



Mô hình phát triển mới cần tập trung vào nền sản xuất dựa trên công nghệ cao nhằm giúp tăng cường năng lực của Việt Nam. © Trương Việt Hùng\2013

Mô hình phát triển mới cần tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế Việt Nam và sản xuất hàng hóa có giá trị gia tăng cao. Điều này đồng nghĩa với việc phụ thuộc ít hơn vào xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên chưa qua chế biến, hoặc việc sản xuất các hàng hóa xuất khẩu cho giá trị gia tăng thấp như quần áo và da giày. Thay vào đó, cần phát triển các ngành công nghiệp dựa vào công nghệ mới. Việc phát triển các ngành sản xuất như vậy và mở rộng các quy trình sản xuất công nghiệp sẽ giúp bảo vệ Việt Nam trước những biến động mang tính chất chu kỳ



của nhu cầu toàn cầu đối với hàng hóa tiêu dùng giá trị thấp và sự cạnh tranh khốc liệt trong sản xuất các sản phẩm này từ các nền kinh tế mới nổi khác. Điều này cũng tạo ra sự thịnh vượng cho quốc gia và khuyến khích phát triển thị trường trong nước về hàng hóa và dịch vụ, một tấm lưới bảo vệ an toàn khác trước những biến động toàn cầu và là một nhân tố sống còn đảm bảo tính bền vững của việc làm.

Đảm bảo chất lượng việc làm cho tất cả và trả công công bằng không phân biệt giới nghĩa là chia sẻ lợi ích tăng trưởng kinh tế trên toàn quốc và đối với tất cả các nhóm, bao gồm những nhóm đã bị loại khỏi tiến trình tăng trưởng kinh tế trước đó. Cần có một sự thay đổi về cấu trúc nền kinh tế để đảm bảo sự gia tăng giá trị kinh tế, sản xuất sáng tạo với hiệu suất lao động cao và đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế để tăng sức cạnh tranh trên toàn cầu. Những người được tham vấn đã nhấn mạnh vào tất cả những yếu tố này vì chúng có ý nghĩa quan trọng giúp người dân đạt được mong ước về việc làm tốt với mức lương thỏa đáng.

5.7 Giáo dục và đào tạo nghề

Mô hình phát triển kinh tế mới đòi hỏi đầu tư nhiều vào phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là giáo dục và đào tạo nghề. Đầu tư đổi mới công nghệ yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ, do đó đòi hỏi những tổ chức cung cấp dịch vụ đào tạo nghề và kỹ thuật phải đáp ứng được yêu cầu của các ngành và các doanh nghiệp tuyển dụng. Tuy nhiên, trên thực tế, điều này vẫn chưa được đáp ứng. Trong hoạt động tham vấn, các đại diện đến từ khu vực tư nhân đã nhấn mạnh đến nhu cầu cần có các khóa đào tạo nghề và kỹ thuật linh động hơn nhằm trang bị tốt hơn cho nguồn nhân lực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu lao động thực tế, chú trọng phát triển kỹ năng mềm nhiều hơn, đồng thời củng cố mối liên kết giữa các đơn vị đào tạo và cộng đồng doanh nghiệp. Mặt khác, ở vào nhóm cuối của các quốc gia thu nhập trung bình, Việt Nam cũng cần đầu tư vào các trường đại học chất lượng hàng đầu, các cơ sở nghiên cứu và phát triển để các nhà lãnh đạo và đổi mới sáng tạo có thể được đào tạo trong nước và đóng vai trò dẫn đầu trong sự phát triển nền kinh tế dựa vào tri thức của Việt Nam.

Phụ nữ, nam giới, thanh thiếu niên và trẻ em tham gia tham vấn đều nhận thức rõ tầm quan trọng của giáo dục trong việc tạo ra các cơ hội tương lai. Giáo dục là yếu tố thiết yếu để giúp các bé gái thoát khỏi vòng luẩn quẩn của đói nghèo qua nhiều thế hệ đang diễn ra ở cộng đồng dân tộc ít người, người nghèo thành thị và các nhóm dễ bị tổn thương khác. Giáo dục thực sự là chìa khóa cho một tương lai tươi sáng. Do đó thông điệp của quá trình tham vấn về cải thiện chất lượng giáo dục cần được ưu tiên trong mục tiêu toàn cầu mới.

5.8 Môi trường trong sạch hơn

Tăng trưởng kinh tế rất cần thiết để Việt Nam tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng mà Việt Nam đang theo đuổi chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên với cách thức sản xuất gây hậu quả tiêu cực đến môi trường. Do vậy, cần phải xây dựng một mô hình phát triển bền vững chú trọng đến môi trường để đối phó với sự cạn kiệt tài nguyên và tình trạng ô nhiễm môi trường đang gia tăng ở Việt Nam. Việt Nam cần ưu tiên sản xuất theo hướng ít gây tổn hại đến môi trường và giảm sự lệ thuộc vào tài nguyên và các ngành công nghiệp ô nhiễm, chuyển sang các hình thức sản xuất xanh và hiện đại hơn.





Vi các vấn đề ô nhiễm ngày càng tăng, nên các ngành sản xuất và người tiêu dùng cần sử dụng các phương án thay thế và các hành vi thân thiện với môi trường. © Trương Việt Hùng\2013

Cần thiết phải thay đổi hành vi của người tiêu dùng vì một mình công nghệ không thể giải quyết được vấn đề ô nhiễm và lãng phí tài nguyên. Người dân đang nhận thức tốt hơn các vấn đề liên quan đến tiết kiệm điện nước, hạn chế sử dụng bao bì đóng gói, ít lãng phí, chú trọng tái chế và sử dụng các phương tiện công cộng nhiều hơn. Các biện pháp giáo dục và nâng cao nhận thức cho toàn xã hội rất cần thiết để Việt Nam tiếp tục phát triển và thịnh vượng. Điều này ngày càng quan trọng khi người giàu trở nên giàu hơn, tiêu thụ nhiều hơn và tạo ra áp lực nhiều hơn cho môi trường.

Việt Nam cũng đang đối mặt với biến đổi khí hậu - mối đe dọa toàn cầu. Biến đổi khí hậu sẽ góp phần quan trọng tạo ra các bất ổn trong tương lai, đặc biệt đối với những nhóm người yếu thế như người nghèo và những người sống bên lề xã hội. Báo cáo mới đây của Ngân hàng Thế giới đã xếp Việt Nam vào danh sách những quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi hiện tượng nước biển dâng do phần lớn cộng đồng dân cư và các khu công nông nghiệp tập trung ở vùng châu thổ phía Bắc và phía Nam.

Mặt khác, biến đổi khí hậu còn gây ra sự biến động thời tiết ở cấp độ lớn hơn, các hiện tượng thời tiết như mưa bão, lụt lội xảy ra thường xuyên hơn, lượng mưa thay đổi khiến cho nông dân gặp khó khăn trong việc lên kế hoạch gieo trồng và thu hoạch. Do vậy cần phải xây dựng chiến lược giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và hệ thống bảo trợ xã hội toàn diện để đối phó với tác động của biến đổi khí hậu. Những chiến lược này cần phải được hoạch định với tiêu chí cho phép những đối tượng chịu rủi ro nhiều nhất sẽ đóng vai trò chính trong việc xác định kế hoạch để đối phó với tác hại của biến đổi khí hậu.

Phụ lục 1: Danh sách những câu hỏi thông thường được sử dụng trong các cuộc tham vấn

Danh sách các câu hỏi chung thông thường được nhất trí bởi các cơ quan bao gồm:

- Thay đổi nào mà anh chị muốn thấy trong cuộc sống của mình sau năm 2015? Điều mà anh chị nghĩ ngăn cản mình/cộng đồng mình đạt được những thay đổi đó? Điều mà anh chị nghĩ cần thiết để những thay đổi đó có thể diễn ra?
- Thay đổi nào mà anh chị nghĩ rằng cần nhất ở Việt Nam sau 2015? Điều gì cần diễn ra để những thay đổi ấy có thể thành hiện thực?
- Tại sao những vấn đề (và thách thức) anh chị đã nhận diện lại quan trọng?
- Nguyên nhân đằng sau những thách thức hoặc rào cản mà có thể sẽ ngăn anh chị đến được với mục tiêu của mình?
- Những cá nhân hoặc tổ chức nào đó có thể giúp đỡ hoặc đóng vai trò trong việc hỗ trợ anh chị hay cộng đồng vượt qua những thách thức và cải thiện đời sống? (Hãy giải thích có tham chiếu tới mỗi cá nhân/tổ chức đó)
- Anh chị có nghĩ rằng tự bản thân mình có thể giải quyết những khó khăn, thách thức ấy và tạo ra sự khác biệt hay không? Điều gì (hoặc ai đó) mà anh chị cần có để điều đó diễn ra?
- Anh chị nghĩ sự thay đổi tốt nhất có thể đến với cuộc sống của mình hoặc với đất nước mình như thế nào? Liệu sẽ có sự khác biệt sau năm 2015 không, và nếu vậy sự khác biệt ra sao?
- Anh chị muốn thấy những thay đổi đó diễn ra khi nào?

Nằm trong chiến lược đảm bảo vấn đề giới được đề cập trong tất cả các buổi tham vấn, hai câu hỏi sau đã được sử dụng:

- Sự khác biệt về nguyện vọng và thách thức đối với nam giới và phụ nữ, trẻ em gái và trẻ em trai là gì?
- Đây là lý do của những khác biệt này?

Câu hỏi và chủ đề thảo luận với nhóm khu vực tư nhân cũng được thiết kế riêng để phù hợp với nhóm bao gồm các câu hỏi sau:

Là gì:

- Doanh nghiệp mong muốn gì trong nền kinh tế ngày càng hội nhập/từ mô hình tăng trưởng mới/về chất lượng lao động/từ chính sách và khung pháp lý sau năm 2015? (Mục tiêu)
- Doanh nghiệp có điểm mạnh gì khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu/khi triển khai mô hình tăng trưởng mới/về lao động/để thích ứng với những thay đổi về chính sách, khung pháp lý mới? (Cơ hội)
- Doanh nghiệp gặp khó khăn/thách thức gì khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu/khi giải quyết các vấn đề/yêu cầu về môi trường/liên quan đến lao động/khi thích ứng với những thay đổi về chính sách và khung pháp lý?



Tại sao:

- Tại sao doanh nghiệp lại có khát vọng đó?
- Tại sao doanh nghiệp lại có thể mạnh đó?
- Tại sao doanh nghiệp lại có thách thức đó?

Bằng cách nào:

- Làm thế nào để xây dựng thể mạnh của doanh nghiệp?
- Làm thế nào doanh nghiệp có thể vượt qua được các thách thức?

Ai:

- Bên liên quan nào tham gia giải quyết vấn đề của doanh nghiệp?
- Doanh nghiệp có thể làm gì?
- Các bên liên quan khác có thể làm gì/hỗ trợ gì?
- Là gì/ Khi nào:
- Đây là vấn đề cấp thiết nhất?
- Mức độ phức tạp/tính khả thi của doanh nghiệp?

Những câu hỏi được thiết kế cho nhóm những người cao tuổi bao gồm:

- Người cao tuổi nhìn nhận vai trò/giá trị/đóng góp của mình với gia đình và cộng đồng như thế nào?
- Quan điểm của họ về những điều kiện hiện tại của những người cao tuổi;
- Những điều kiện hiện tại đó sẽ ra sao trong 10 – 20 năm nữa theo quan điểm của những người cao tuổi?
- Những gợi ý của người cao tuổi về điều nên được duy trì, tăng cường và điều gì nên xoá bỏ? Một tương lai lý tưởng nên như thế nào?
- Ý kiến của người cao tuổi về những vấn đề họ phải đối diện hoặc những vấn đề tiềm ẩn trong tương lai?
- Kỳ vọng về hệ thống y tế cho người cao tuổi trong tương lai?



Phụ lục 2: Tài liệu tham khảo

Giải quyết vấn đề bất bình đẳng: Báo cáo tổng hợp quá trình tham vấn chung trên toàn cầu. UNICEF và UN Women với sự hỗ trợ của Chính phủ Đan Mạch và Chính phủ Ghana.

Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam thời kỳ 2011 – 2020

Báo cáo phân tích chung về Việt Nam (http://www.un.org.vn/vi/publications/doc_details/184-joint-country-analysis-of-viet-nam.html)

LHQ Vietnam Kế hoạch chung 2012-2016 (http://www.un.org.vn/en/publications/one-un-documents/doc_details/278-the-one-plan-2012-2016-between-the-government-of-the-socialist-republic-of-viet-nam-and-the-united-nations-in-viet-nam.html)

Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2011 (<http://hdr.undp.org/en/reports/national/asiathepacific/vietnam/name,24010,en.html>)

Lộ trình phát triển sau năm 2015 – Nguyên tắc đối thoại quốc gia- Bạn muốn một tương lai thế nào? (<http://uncsd.iisd.org/news/undg-releases-guidelines-for-country-consultations-on-post-2015-development-agenda/>)

Báo cáo thực hiện Mục tiêu thiên niên kỷ (MDG) của Việt Nam (<http://mdtf.undp.org/document/download/6852>)

ODI và UNDP 2011- Khung khổ phát triển sau 2015

Những mục tiêu cho Một Tỷ Người Nghèo hay Mục tiêu cho Toàn thế Giới. Chương trình Phát triển Liên Hiệp quốc (UNDP)

Tài liệu chương trình mục tiêu Biến đổi khí hậu ở Việt Nam

Kế hoạch 5 năm phát triển ngành Y tế của Việt Nam từ 2011 đến 2015 [http://jahr.org.vn/downloads/Van%20ban%20phap%20quy/Quan%20ly%20quan%20tri%20y%20te/Ke%20hoach%205%20nam%20nganh%20y%20te%202011-2015%20\(Tieng%20Viet\).pdf](http://jahr.org.vn/downloads/Van%20ban%20phap%20quy/Quan%20ly%20quan%20tri%20y%20te/Ke%20hoach%205%20nam%20nganh%20y%20te%202011-2015%20(Tieng%20Viet).pdf)

Báo cáo đánh giá về tình hình giới ở Việt Nam của Ngân hàng Thế giới <http://documents.worldbank.org/curated/en/2011/11/15470188/vietnam-country-gender-assessment>



Báo cáo tiến trình đấu tranh với AIDS của Chính phủ Việt Nam http://www.unaids.org/en/dataanalysis/knowyourresponse/countryprogressreports/2012countries/ce_VN_Narrative_Report.pdf

Báo cáo đánh giá về đói nghèo đa phương diện ở trẻ em Việt Nam và Báo cáo đánh giá về nạn đói của Ngân hàng Thế giới - Số liệu về đói nghèo đa phương diện ở trẻ em được UNICEF cung cấp

Già hóa dân số ở Việt Nam. Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách (2011): <http://vietnam.unfpa.org/public/pid/5230>

Tận dụng ưu thế dân số ở Việt Nam- Cơ hội, Thách thức và Các lựa chọn chính sách (2010): <http://vietnam.unfpa.org/public/pid/5230>

Di cư trong nước và tình hình phát triển kinh tế- xã hội ở Việt Nam: Kêu gọi hành động (2010): <http://vietnam.unfpa.org/public/pid/5230>

“Hiện thực hóa một tương lai chúng ta mong muốn cho tất cả mọi người”, Báo cáo của Tổ công tác LHQ về Lộ trình phát triển sau năm 2015 gửi Tổng thư ký <http://post2015.org/2012/07/03/un-task-team-report-realizing-the-future-we-want-for-all/>.

Báo cáo về quyền con người và đói nghèo cùng cực, Magdalena Sepúlveda Carmona, tháng tư năm 2012.

Chỉ số về Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI): Đo lường kinh nghiệm của người dân. Nghiên cứu chung của Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP), trung tâm hỗ trợ cộng đồng và nghiên cứu phát triển (CECODES), Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam (FR), và Ban chất vấn Ủy ban thường vụ Quốc hội Việt Nam (CPP), Hà Nội, Việt Nam: www.papi.vn.





THẾ GIỚI CỦA TÔI. KHẢO SÁT TOÀN CẦU CỦA LIÊN HỢP QUỐC VÌ MỘT THẾ GIỚI TỐT ĐẸP HƠN

VỀ Thế giới của Tôi

Thế giới CỦA TÔI là một cuộc khảo sát trên phạm vi toàn cầu của Liên Hợp quốc thực hiện cho người dân. Phối hợp với các đối tác, mục tiêu của Liên Hợp quốc là ghi lại tiếng nói, các lựa chọn ưu tiên và quan điểm của người dân để thông tin cho các nhà lãnh đạo thế giới vì họ bắt đầu quá trình xác định các mục tiêu toàn cầu tiếp để chấm dứt nghèo đói.

Để biết thêm thông tin chi tiết mời truy cập:

- **Website:** <http://www.myworld2015.org>
- **Facebook:** <https://www.facebook.com/myworld2015>



LIÊN HỢP QUỐC TẠI VIỆT NAM

Địa chỉ: 25 - 29, Phan Bội Châu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 39421495 | **Fax:** +84 4 3942 2267

Email: info@un.org.vn | **Web:** <http://vn.one.un.org/>

Đồng hành cùng chúng tôi tại:

- www.facebook.com/unvietnam
- www.youtube.com/unvietnam